



CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xã - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL®
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

HỒ SƠ NĂNG LỰC

CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN

VAN XUÂN

VAN XUÂN
COMPANY LIMITED



CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xã - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuan cable.com - Website: vanxuan cable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG
2. ĐĂNG KÝ KINH DOANH
3. GIẤY CHỨNG NHẬN ISO
4. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG
5. BẢNG KÊ KINH NGHIỆM
6. HỢP ĐỒNG ĐÃ THỰC HIỆN
7. NĂNG LỰC TÀI CHÍNH
8. CATALOGUE
9. BẢNG GIÁ CÔNG BỐ LIÊN SỞ XÂY DỰNG & SỞ TÀI CHÍNH

VAN XUÂN
COMPANY LIMITED



CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xá - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

THÔNG TIN CHUNG

Công ty TNHH Dây & Cáp Điện Vạn Xuân:

Địa chỉ: Km 16 Quốc Lộ 32 - Lai Xá - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Email: contact@vanxuancable.com

Website: vanxuancable.com

Văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội:

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 04.38 48 9055 - Fax: 04 38 48 9056

Văn phòng đại diện tại Thành phố Đà Nẵng:

Địa chỉ: 375 Điện Biên Phủ - Thanh Khê - Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.365 9482 - Fax: 0511.365 9483

VAN XUÂN
COMPANY LIMITED



CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN

Địa chỉ: Lai xá - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com



GIỚI THIỆU CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG:

- Tên công ty: **CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN**
- Tên giao dịch viết tắt tiếng Việt: **VAXUCO**
- Tên giao dịch tiếng Anh: **VAN XUAN CABLE AND WIRE COMPANY LIMITED**
- Trụ sở chính: Thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
- Điện thoại: 024.3848 9055 Fax: 024.3848 9056
- Email: vanxuancable@yahoo.com.vn Website: vanxuancable.com.vn
- Ngày thành lập: 5/1/2001 Nơi thành lập: Hà Nội
- Vốn điều lệ: 10 tỷ đồng
- Người sáng lập: **Ông Trần Duy Toàn**
- Chức vụ: Giám đốc

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Kéo dây đồng, dây nhôm, sản xuất dây điện bọc nhựa dân dụng và công nghiệp
- Mua bán dây và cáp điện
- Xuất nhập khẩu dây và cáp điện, máy móc, thiết bị và vật tư cho sản xuất dây và cáp điện

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Với gần 20 năm xây dựng và phát triển trong lĩnh vực sản xuất dây cáp điện công nghiệp và dân dụng. Vạn Xuân rất thấu hiểu được tầm quan trọng của hệ thống dây dẫn điện của những công trình vì thế nhà máy lấy yếu tố chất lượng làm tôn chỉ làm mục đích xuyên suốt quá trình xây dựng và phát triển, từ khâu chuẩn bị nguyên liệu, lựa chọn thiết bị công nghệ đến tổ chức nhân sự.

Với chính sách luôn hiện đại hóa công nghệ sản xuất, tổ chức đào tạo nhân lực, nâng cao tay nghề sản xuất, đảm bảo nguyên liệu đầu vào tốt nhất. Các sản phẩm nhãn hiệu AUGUST STAR & VAXUCO của công ty thường xuyên được cấp chứng chỉ Chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam cho sản phẩm và hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 do trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn – GLOBAL UKAS cấp. Hiện nay sản phẩm của công ty đã có được uy tín và thị phần trên cả nước, được sử dụng cho nhiều công trình cải tạo và xây dựng mới mang điện hạ thế tại các địa phương các công trình công nghiệp và



CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xã - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

dân dụng...

Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng tới việc nâng cao chất lượng dịch vụ, thực hiện tốt các hoạt động hỗ trợ khách hàng. Công ty dây và cáp điện Vạn Xuân mong muốn hợp tác với các đối tác kinh doanh vì lợi ích chung của các bên và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thị trường.

TÂM NHÌN

Thị trường xây dựng ngày càng hiện đại và phát triển, Vạn Xuân mong muốn đi đầu trong lĩnh vực sản xuất dây và cáp điện, giải pháp và dịch vụ hoàn hảo, tạo nên những thành công cùng mỗi khách hàng và từng thành viên.

SỨ MỆNH

Luôn tiên phong trong việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, xã hội bằng lòng đam mê, nhiệt huyết, sự tận tụy và tài năng của mỗi thành viên.

NGUỒN LỰC

Với khả năng tài chính tốt và quyết tâm đầu tư, lãnh đạo Vạn Xuân đã nhanh chóng phát triển đội ngũ nhân sự cả về số lượng và chất lượng. Nhờ công tác tuyển dụng và đào tạo được chú trọng mà lực lượng này đã nhanh chóng nắm bắt công nghệ, ý thức về dịch vụ và quy trình làm việc chuyên nghiệp. Chúng tôi luôn sẵn sàng cho các dự án trong tương lai.

CÁC VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN:

1. Văn phòng đại diện tại Hà Nội:

Địa chỉ : 41 Hàng Cháo, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại : 024.38489055

Fax : 024.38489056

Người đại diện: Ông Trần Duy Quân

2. Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng:

Địa chỉ : 375 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Điện thoại : 02363.659482

Fax : 02363.659483

Người đại diện: Ông Nguyễn Thế Anh



CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xá - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội
Văn phòng đại diện tại Hà Nội

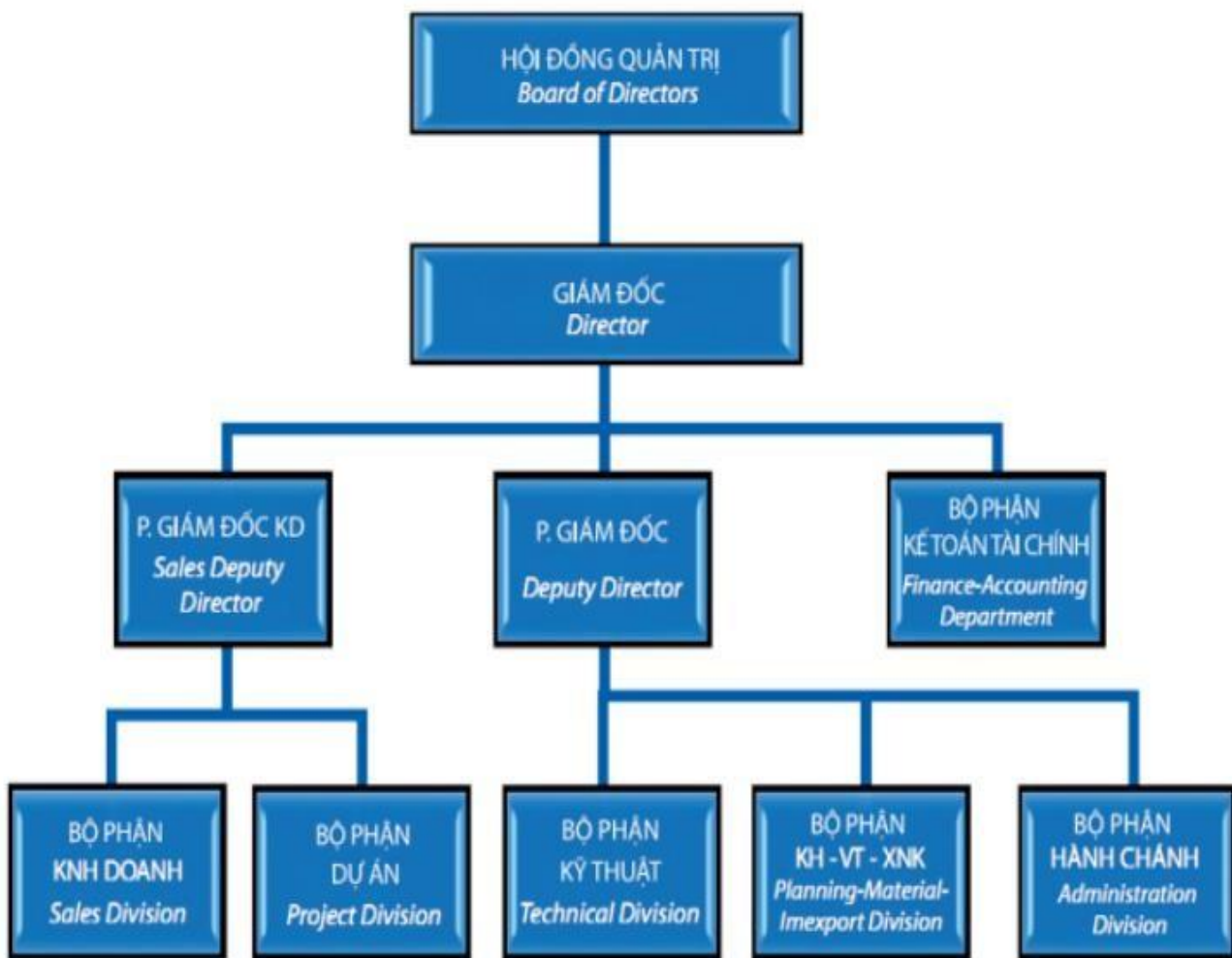
Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ





CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN

Đ/c: Lai Xá - Kim Chung - Hoài Đức- Hà Nội

VPGD: Số 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

ĐT : 024.3848 9055 - Fax : 024.3848 9056

Email: vanxuancable@yahoo.com.vn - website: vanxuancable.com.vn



Nhà máy Dây và Cáp điện Vạn Xuân – Hưng Yên





CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xá - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

Tập đoàn - Tổng Công ty - Công ty Điện lực sử dụng Dây và Cáp điện Vạn Xuân



EVN

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM



EVN NPC



EVN CPC



EVN HANOI

AUGUST STAR CABLE

VAXUCO

TIỀN PHONG

HANSUN



CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xã - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

Công trình xây dựng dân dụng sử dụng Dây và Cáp điện Vạn Xuân

Tên Công trình / Dự án: Khu đô thị mới Đặng Xá II – Long Biên – Hà Nội

Chủ Đầu tư: CÔNG TY KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN VIGLACERA



Tên Công trình / Dự án: Trường Đại học Thăng Long

Địa chỉ: Đường Nghiêm Xuân Yêm - Đại Kim - Hoàng Mai - Hà Nội





CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xã - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

Tên Công trình / Dự án: Nhà Ở Xã hội - Phường Nại Hiên - TP Đà Nẵng
Địa chỉ: Phường Nại Hiên - TP Đà Nẵng



Tên Công trình / Dự án: Tòa Nhà Viện Kiểm Sát Nhân Dân TP Đà Nẵng
Địa chỉ: Đường Nguyễn Hữu Thọ - Tp Đà Nẵng





CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xã - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

Tên Công trình / Dự án: Khu Dân Cư An Phú Sinh - TP Quảng Ngãi

Địa chỉ: TP Quảng Ngãi



Tên Công trình / Dự án: Căn Hộ An Trung Plaza (Blue House II)

Địa chỉ: Đường Ngô Quyền - TP Đà Nẵng





CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN

Địa chỉ: Lai xã - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

Tên Công trình / Dự án:	TỔ HỢP VĂN PHÒNG VÀ KINH DOANH THƯỜNG MẠI HANDICO (HANDICO TOWER)
Địa chỉ:	Khu đô thị mới Mỹ Trì Hạ - Từ Liêm - Hà Nội
Chủ Đầu tư:	Tổng Cty Đầu tư Phát triển nhà Hà Nội
Tên Công trình / Dự án:	TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÀ NỘI - AMSTERDAM
Địa chỉ:	Hoàng Minh Giám, Cầu Giấy, Hà Nội
Tên Công trình / Dự án:	Khu Chung cư Cán bộ Chiến sĩ
Chủ Đầu tư:	Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc Phòng
Tên Công trình / Dự án:	Khu Chung cư Cán bộ nhân viên
Chủ Đầu tư:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Tên Công trình / Dự án:	Chung cư cao cấp 71 Nguyễn Chí Thanh
Địa chỉ:	Số 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Chủ Đầu tư:	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp (ICC)
Tên Công trình / Dự án:	Ancient House River Hội An
Địa chỉ:	377 Cửa Đại, Thành phố Hội An, Quảng Nam
Tên Công trình / Dự án:	Bệnh viện Gia Đình
Địa chỉ:	73 Nguyễn Hữu Thọ, Hải Châu, Đà Nẵng, Việt Nam
Tên Công trình / Dự án:	Trụ sở Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị
Địa chỉ:	Số 86 Lê Trọng Tấn - Phường Khương Mai - Quận Thanh Xuân Thành phố Hà Nội.
Tên Công trình / Dự án:	Riverside Garden Villas
Địa chỉ:	Vọng Nhi 6, Cẩm Thành, Thành phố Hội An, Quảng Nam

Và một số các công trình khác



CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xã - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

ĐĂNG KÝ KINH DOANH



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0500402645

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 01 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 07 tháng 12 năm 2017

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VAN XUAN CABLE AND WIRE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VAXUCO

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 66725186

Fax: 024 33662484

Email: contact@vanxuancable.com

Website: www.vanxuancable.com

3. Vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN DUY TOÀN	KSố 20 ngách 6/6 phố Đội Nhân, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	6.000.000.000	60,000	015047000011	
2	TRẦN DUY QUÂN	Số 139 Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.000.000.000	40,000	001075005759	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **TRẦN DUY TOÀN**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **10/08/1947**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy chứng thực cá nhân: **015047000011**

Ngày cấp: **10/07/2017**

Nơi cấp: **Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số 20 ngách 6/6 phố Đội Nhân, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

Chỗ ở hiện tại: **Số 20 ngách 6/6 phố Đội Nhân, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.**

TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Hải Hùng





CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xá - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

GIẤY CHỨNG NHẬN ISO





GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

của

Công ty TNHH Dây và Cáp Điện Vạn Xuân

Thôn Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, VIỆT NAM

phạm vi

Sản xuất và cung cấp dây và cáp điện

đã được đánh giá và chứng nhận theo Tiêu chuẩn Quốc tế

ISO 9001:2015

Số đăng ký::

030940

Ngày bắt đầu chu kỳ:

5 Tháng Bảy 2022

Dự án:

7-02578-7-Q

Ngày phê duyệt:

14 Tháng Bảy 2022

Ngày ban hành:

14 Tháng Bảy 2022

Phê duyệt bởi:

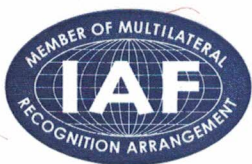
Doug Page-Symonds

Tổng Giám Đốc



Ngày hết hạn:

5 Tháng Bảy 2025



This certificate remains the property of GCL International Ltd. Registration is subject to the Scheme Rules which are published at www.gcl-intl.com. Any misuse, alteration, forgery or falsification is an unlawful act. Please validate the authenticity of this certificate by visiting www.gcl-intl.com or email to certification@gcl-intl.com

GCL INTERNATIONAL LTD

Level 1, Devonshire House, One Mayfair Place, London,
W1J 8AJ, United Kingdom.



S/N: 80026505

PIN: 89231399

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Dây nhôm trần lõi thép dùng cho đường dây tải điện trên không.

với nhãn hiệu thương mại

**VAXUCO; HANSUN; AUGUST STAR;
TIỀN PHONG**

Của

CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN

Trụ sở: Thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam

Sản xuất tại: Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hansun Việt Nam (Ô số 1, Lô 8, Khu KCN Kim Chung, Thôn Lai Xá, Xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam)

phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN 5064:1994 & TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995

và được phép sử dụng Dấu Chất lượng



Phương thức chứng nhận:

Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012; Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 và Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Số Giấy chứng nhận:

SP 1400/4.23.19

Hiệu lực Giấy chứng nhận:

từ ngày 11/01/2023 đến ngày 10/01/2026

Ngày chứng nhận lần đầu:

01/11/2013



Trần Quốc Dũng

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Dây và cáp điện (Chi tiết phụ lục kèm theo)

với nhãn hiệu thương mại

**VAXUCO; HANSUN; AUGUST STAR;
TIỀN PHONG**

Của

CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN

Trụ sở: Thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam

phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN

và được phép sử dụng Dấu hợp quy



Phương thức chứng nhận:

Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và
Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/07/2017)

Số Giấy chứng nhận:

0773

Mã số: 0773-23-06

Hiệu lực Giấy chứng nhận:

từ ngày 11/01/2023 đến ngày 10/01/2026



Trần Quốc Dũng

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Cáp điện lực cách điện bằng XLPE, điện áp danh định từ 3,36/6 kV đến 18/30 kV
Kết cấu cáp: Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC

với nhãn hiệu thương mại

**VAXUCO; HANSUN; AUGUST STAR;
TIỀN PHONG**

được sản xuất tại

CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN

Trụ sở: Thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam

phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN 5935-2:2013/ IEC 60502-2:2005

và được phép sử dụng Dấu Chất lượng



QUACERT®
TCVN 5935-2:2013/
IEC 60502-2 : 2005

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012; Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 và Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Số Giấy chứng nhận: SP 2688/1.23.19

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 11/01/2023 đến ngày 10/01/2026

Ngày chứng nhận lần đầu: 11/01/2020



Trần Quốc Dũng

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Cáp điện lực cách điện bằng XLPE, PVC, có hoặc không có áo giáp kim loại, điện áp danh định 0,6/1 kV. Kết cấu cáp: Cu/PVC/PVC (ruột dẫn cấp 2); Cu/XLPE/PVC; Cu/XLPE/DSTA/PVC; Al/XLPE/PVC

với nhãn hiệu thương mại

**VAXUCO; HANSUN; BIG STAR; AUGUST STAR;
TIỀN PHONG; GOLD CABLE; KWANG WON**

Của

CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN

Trụ sở: Thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam;

phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN 5935-1:2013/ IEC 60502-1:2009

và được phép sử dụng Dấu Chất lượng



**TCVN 5935-1:2013/
IEC 60502-1 : 2009**

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012; Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 và Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Số Giấy chứng nhận: SP 1402/4.23.19

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 11/01/2023 đến ngày 10/01/2026

Ngày chứng nhận lần đầu: 01/11/2013



Trần Quốc Dũng

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam



ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Cáp điện vện xoắn, cách điện bằng XLPE (loại X-90), điện áp làm việc đến 0,6/1 kV

với nhãn hiệu thương mại

**VAXUCO; HANSUN; AUGUST STAR;
TIỀN PHONG**

Của

CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN

Trụ sở: Thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam

phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN 6447:1998 (Không áp dụng đối với chỉ tiêu độ bám dính cách điện)

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012; Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 và Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Số Giấy chứng nhận: SP 1401/5.23.19

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 11/01/2023 đến ngày 10/01/2026

Ngày chứng nhận lần đầu: 01/11/2013



Trần Quốc Dũng

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP QUACERT



PHỤ LỤC PHẠM VI CHỨNG NHẬN
(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 0773, mã số 0773-23-06)

STT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn công bố áp dụng*
1.	Cáp điện lực cách điện bằng XLPE không có áo giáp kim loại, điện áp danh định 0,6/1 kV Kết cấu cáp: Al/XLPE/PVC	TCVN 5935-1: 2013
2.	Cáp điện vận xoắn, cách điện bằng XLPE (loại X-90), điện áp làm việc đến 0,6/1 kV	TCVN 6447 : 1998
3.	Cáp điện lực cách điện bằng XLPE, PVC, có hoặc không có áo giáp kim loại, điện áp danh định 0,6/1 kV. Kết cấu cáp: Cu/PVC/PVC (ruột dẫn cấp 2); Cu/XLPE/PVC; Cu/XLPE/DSTA/PVC	TCVN 5935-1: 2013
4.	Cáp cách điện bằng PVC loại không có vỏ bọc một lõi, ruột dẫn cứng, công dụng chung dùng để lắp đặt cố định, điện áp danh định 450/750 V, kiểu 6610 TCVN 01, kết cấu ruột dẫn theo TCVN 6610-3:2000	TCVN 6610-3:2000
5.	Cáp cách điện bằng PVC loại không có vỏ bọc một lõi, ruột dẫn mềm, công dụng chung dùng để lắp đặt cố định, điện áp danh định 450/750 V, kiểu 6610 TCVN 02, kết cấu ruột dẫn theo TCVN 6610-3:2000	TCVN 6610-3:2000
6.	Cáp (dây) mềm dùng trong chế độ bình thường, có vỏ bọc thông dụng, cách điện bằng PVC, điện áp danh định 300/500 V, kiểu 6610 TCVN 53, kết cấu ruột dẫn theo TCVN 6610-5:2014	TCVN 6610-5:2014

(*)Ghi chú: Giấy chứng nhận này chỉ chứng nhận việc các sản phẩm nêu trên phù hợp với các chỉ tiêu được liệt kê tại Thông tư số 21/2016/TT-BKHCN ngày 15/12/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ, không thay thế cho việc chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng



Trần Quốc Dũng



CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xã - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG



Thái Bình, ngày 26 tháng 04 năm 2019

GIẤY XÁC NHẬN VẬN HÀNH THÀNH CÔNG

Chúng tôi, Công ty Điện lực Thái Bình thuộc Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc, có địa chỉ tại: Số 288, đường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xác nhận:

Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân là một trong những đơn vị cung cấp sản phẩm dây cáp điện cho Công ty Điện lực Thái Bình (*chi tiết nhóm sản phẩm, quy cách theo danh mục đính kèm*). Các sản phẩm của VẠN XUÂN cung cấp được đưa vào cải tạo, sửa chữa lắp đặt mới lưới điện phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty Điện lực Thái Bình những năm qua.

Chủng loại, số lượng dây cáp điện các loại do Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân sản xuất, cung cấp đáp ứng tiến độ, đảm bảo chất lượng về kỹ thuật theo TCVN/IEC, tiêu chuẩn Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và được sử dụng an toàn, không xảy ra sự cố trên lưới điện do Công ty Điện lực Thái Bình quản lý, vận hành trong 3 năm qua (từ năm 2015).

Qua quá trình sử dụng, kiểm tra thực tế, chúng tôi đánh giá giá rằng: Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân là nhà cung cấp dây cáp điện tín nhiệm. ✓

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI BÌNH



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Bá Quyền

DANH MỤC SẢN PHẨM

Kèm theo giấy xác nhận vận hành ngày 26 tháng 04 năm 2019

TT	Nhóm sản phẩm	Quy cách	Nhà sản xuất
1	Cáp trần C (M); A; AC; ACKP (AsKP)	1x1.5mm ² đến 1x300mm ² 50/8mm ² đến 300/48mm ²	VẠN XUÂN
2	Cách điện lõi đồng hoặc nhôm bọc hạ thế: AL/XLPE (ABC) Cu(AL)/PVC, XLPE; CVV; Cu(AL)/PVC/PVC, CV; Cu(AL)/XLPE/PVC, Cáp MUYLER Cu(AL)/XLPE/PVC, (CVV); Cu(AL)/XLPE/PVC Cu(AL)/XLPE/PVC/DATA/PVC; Cu(AL)/XLPE/PVC/DSTA/PVC;	2x16mm ² đến 2x95mm ² 4x16mm ² đến 4x240mm ² 1x1.5mm ² đến 1x500mm ² 2x1.5mm ² đến 2x240mm ² 2x1.5mm ² đến 2x240mm ² 2x4mm ² đến 2x120mm ² 3x1.5mm ² đến 3x400mm ² 3x2.5+1x1.5mm ² đến 3x240+1x120mm ² 3x2.5+1x1.5mm ² đến 3x240+1x120mm ² 4x1.5mm ² đến 4x300mm ²	VẠN XUÂN
3	Cáp điện lõi đồng/ nhôm, nhôm lõi thép (AC) treo 24kV; 35kV; Cu/(AL, AC)/XLPE/HDPE;	1x50mm ² đến 1x240mm ²	VẠN XUÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN NGƯỜI SỬ DỤNG

Kính gửi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC NINH

Căn cứ hợp đồng số **23/2015/PCBN-VX** ngày 18 tháng 05 năm 2015 thuộc Gói thầu số 2: Mua dây và cáp điện phục vụ phương án quĩ 2 năm 2015 đã ký giữa Công ty Điện lực Bắc Ninh và Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân

Căn cứ tình hình vận hành VTTB do Công ty chúng tôi cung cấp được sử dụng trên lưới điện của Quý công ty đến thời điểm hiện nay.

Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân kính đề nghị Công ty điện lực Bắc Ninh xác nhận các loại VTTB dưới đây mà chúng tôi cung cấp theo hợp đồng đã vận hành ổn định, không xảy ra sự cố do chất lượng VTTB từ ngày đưa vào vận hành từ tháng 06 năm 2015 đến thời điểm hiện nay:

TT	Chủng loại VTTB	Nhà SX / Nước SX	Ghi chú
1	Cáp Cu/XLPE/PVC1*150	Vạn Xuân/ VN	
2	Cáp Cu/XLPE/PVC1*185	Vạn Xuân/ VN	
3	Cáp Cu/XLPE/PVC1*240	Vạn Xuân/ VN	
4	Cáp Cu/XLPE/PVC2*10	Vạn Xuân/ VN	
5	Cáp Cu/XLPE/PVC2*16	Vạn Xuân/ VN	
6	Cáp Cu/XLPE/PVC3*10+1*6mm2	Vạn Xuân/ VN	
7	Cáp Cu/XLPE/PVC3*16+1*10mm2	Vạn Xuân/ VN	
8	Dây dẫn AC50/8 (có mỡ)	Vạn Xuân/ VN	
9	Dây dẫn AC70/11 (có mỡ)	Vạn Xuân/ VN	
10	Dây dẫn AC95/16 (có mỡ)	Vạn Xuân/ VN	
11	Dây dẫn AC120/19 (có mỡ)	Vạn Xuân/ VN	
12	Dây nhôm bọc AV35	Vạn Xuân/ VN	
13	Dây nhôm bọc AV50	Vạn Xuân/ VN	
14	Dây nhôm bọc AV70	Vạn Xuân/ VN	
15	Dây nhôm bọc AV95	Vạn Xuân/ VN	
16	Dây nhôm bọc AV120	Vạn Xuân/ VN	
17	Cáp nhôm vặn xoắn 2x35	Vạn Xuân/ VN	
18	Cáp nhôm vặn xoắn 2x50	Vạn Xuân/ VN	
19	Cáp nhôm vặn xoắn 4x35	Vạn Xuân/ VN	
20	Cáp nhôm vặn xoắn 4x50	Vạn Xuân/ VN	
21	Cáp nhôm vặn xoắn 4x70	Vạn Xuân/ VN	
22	Cáp nhôm vặn xoắn 4x95	Vạn Xuân/ VN	
23	Cáp nhôm vặn xoắn 4x120	Vạn Xuân/ VN	

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2019

Xác nhận của đơn vị quản lý vận hành
Công ty Điện lực Bắc Ninh



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Quốc Long

Công ty TNHH
Dây và Cáp điện Vạn Xuân



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Duy Quân

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 11 năm 2018

GIẤY XÁC NHẬN VẬN HÀNH THÀNH CÔNG

Chúng tôi, Công ty Điện lực Hà Tĩnh thuộc Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc, có địa chỉ tại: Đại lộ Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Nguyễn Du - TP Hà Tĩnh – Hà Tĩnh xác nhận:

Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân là một trong những đơn vị chính, thường xuyên cung cấp sản phẩm dây cáp điện cho Công ty Điện lực Hà Tĩnh (*chi tiết nhóm sản phẩm, quy cách theo danh mục đính kèm*). Các sản phẩm của VANXUAN được đưa vào cải tạo, sửa chữa lắp đặt mới lưới điện phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty Điện lực Hà Tĩnh những năm qua.

Chủng loại, số lượng dây cáp điện các loại do Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân sản xuất, cung cấp đáp ứng tiến độ, đảm bảo chất lượng về kỹ thuật theo TCVN/IEC, tiêu chuẩn Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và được sử dụng an toàn, không xảy ra sự cố trên lưới điện do Công ty Điện lực Hà Tĩnh quản lý, vận hành trong 3 năm qua (từ năm 2015).

Qua quá trình sử dụng, kiểm tra thực tế, chúng tôi đánh giá giá rằng: Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân là nhà cung cấp dây cáp điện tín nhiệm.

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ TĨNH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phan Đắc Hùng

DANH MỤC SẢN PHẨM

Kèm theo giấy xác nhận vận hành ngày tháng 11 năm 2018

TT	Nhóm sản phẩm	Quy cách	Nhà sản xuất
1	Cáp trần C (M); A; AC; ACKP (AsKP) Cáp thép TK	1x1.5mm ² ÷ 1x300mm ² 35/6,2mm ² ÷ 400/51mm ² TK35, TK50, TK70	VAN XUAN
2	Cách điện lõi đồng hoặc nhôm bọc hạ thế: AL/XLPE và cáp nhôm vặn xoắn (ABC) Cu(AL)/PVC (XLPE); Cu(AL)/PVC/PVC; MULLER Cu(AL)/XLPE/PVC; Cu(AL)/XLPE/PVC; Cu(AL)/XLPE/PVC/DATA/PVC; Cu(AL)/XLPE/PVC/DSTA/PVC;	2x16mm ² ÷ 2x95mm ² 4x16mm ² ÷ 4x240mm ² 1x1.5mm ² ÷ 1x500mm ² 2x1.5mm ² ÷ 2x50mm ² 2x1.5mm ² ÷ 2x50mm ² 3x1.5mm ² ÷ 3x400mm ² 3x2,5+1x1,5mm ² ÷ 3x240+1x120mm ² 4x1.5mm ² ÷ 4x300mm ²	VAN XUAN
3	Cáp điện lõi đồng/ nhôm, nhôm lõi thép (AC) treo 24kV; 35kV; Cu/(AL, AC)/XLPE/HDPE;	1x50mm ² ÷ 1x240mm ²	VAN XUAN

GIẤY XÁC NHẬN NGƯỜI SỬ DỤNG

Kính gửi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN.

Căn cứ hợp đồng số **05/HĐ-PCTT-KH** ngày 19 tháng 01 năm 2017 thuộc Gói thầu: Mua dây và cáp điện phục vụ ĐTXD năm 2017 đã ký giữa Công ty Điện lực Thường Tín và Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân

Căn cứ tình hình vận hành VTTB do Công ty chúng tôi cung cấp được sử dụng trên lưới điện của Quý công ty đến thời điểm hiện nay.

Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân kính đề nghị Công ty điện lực Thường Tín xác nhận các loại VTTB dưới đây mà chúng tôi cung cấp theo hợp đồng đã vận hành ổn định, không xảy ra sự cố do chất lượng VTTB từ ngày đưa vào vận hành từ ngày tháng 2 năm 2017 đến thời điểm hiện nay:

TT	Chủng loại VTTB	Nhà SX / Nước SX	Đvt	Số lượng	Ghi chú
1	Dây nhôm lõi thép AC-120	Vạn Xuân/VN	Kg	15.446,74	
2	Dây nhôm lõi thép AC-95	Vạn Xuân/VN	Kg	6.966,14	
3	Dây nhôm lõi thép AC-70	Vạn Xuân/VN	Kg	3.126,02	
4	Dây nhôm lõi thép AC-50	Vạn Xuân/VN	Kg	10,98	
5	Dây thép C50	Vạn Xuân/VN	Kg	2.402,11	
6	Dây đồng mềm tiếp địa Cu/PVC M35	Vạn Xuân/VN	Mét	130	
7	Dây đồng mềm tiếp địa Cu/PVC M35	Vạn Xuân/VN	Mét	161	
8	Cáp 0,6/1kV-Cu/XLPE/PVC-1x120	Vạn Xuân/VN	Mét	32	
9	Cáp 0,6/1kV-Cu/XLPE/PVC-1x240	Vạn Xuân/VN	Mét	252	
10	Cáp vặn xoắn ruột nhôm AL/XLPE 4x120mm ²	Vạn Xuân/VN	Mét	15.651	
11	Cáp vặn xoắn ruột nhôm AL/XLPE 4x95mm ²	Vạn Xuân/VN	Mét	919	
12	Cáp vặn xoắn ruột nhôm AL/XLPE 4x70mm ²	Vạn Xuân/VN	Mét	1.539	
13	Cáp vặn xoắn ruột nhôm AL/XLPE 4x50mm ²	Vạn Xuân/VN	Mét	7.536	
14	Cáp treo 0,6/1kV – Cu/XLPE/PVC -	Vạn Xuân/VN	Mét	339	



	4x25mm ²				
15	Cáp myler ruột đồng Cu-2x25mm ²	Vạn Xuân/VN	m	1.806	
16	Cáp myler ruột đồng Cu-2x11mm ²	Vạn Xuân/VN	m	645	
17	Cáp treo 0,6/1kV – Cu/XLPE/PVC - 2x6mm ²	Vạn Xuân/VN	m	3.610	
18	Cáp treo 0,6/1kV – Cu/XLPE/PVC - 1x6mm ²	Vạn Xuân/VN	m	451	
19	Cáp 35kV-Cu/XLPE/PVC-1x120mm ²	LS/VN	m	96	
20	Cáp 35kV-Cu/XLPE/PVC-1x50mm ²		m	229,5	
21	Cáp 35kV-Cu/XLPE/PVC-1x70mm ²		m	284	
22	Đầu cáp 35kV ngoài trời 3x70	Cellpack	Bộ	4	

Trân trọng!

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2019

Xác nhận của đơn vị quản lý vận hành
Công ty Điện lực Thường Tín



GIÁM ĐỐC

Dương Quang Thắng

Công ty TNHH
Dây và Cáp điện Vạn Xuân



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Duy Quân





CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xã - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

TEST



VAN XUÂN
COMPANY LIMITED

Số/No.: 20 / 5073 / TN2 - 01

Trang/Page: 1 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử:** Cáp điện Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x240+1x120 mm² – 0,6/1kV
Sample: Electric cable Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x240+1x120 sqmm – 0.6/1kV
- Khách hàng:** Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân
Customer:
- Số lượng mẫu:** 01
Quantity:
- Nhãn hiệu:** VAN XUAN CABLE
Trademark:
- Tình trạng mẫu:** Mới, chưa qua sử dụng
Sample observation: New, unused
- Ngày nhận mẫu:** 28 / 10 / 2020
Reception date:
- Ngày thử nghiệm:** 29 / 10 / 2020 ÷ 19 / 11 / 2020
Test duration:
- Phương pháp thử:** TCVN 5935-1:2013; TCVN 6614; TCVN 6612:2007
Test methods:

Hanoi, date of 19 / 11 / 2020

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG
Chief of Electric, Electronic & Energy efficiency Testing Lab

Đặng Thanh Tùng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....20../5073/ TN2 - 01.....

Trang/Page:.....2../5.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
1	Chiều dày của lớp vỏ bọc ngoài PVC <i>Thickness of PVC oversheath</i>		TCVN 5935-1:2013		
	• Giá trị nhỏ nhất/ <i>Minimum value</i>	mm	TCVN 6614	≥ 2,04	2,65
	• Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm		--	2,89
2	Kích thước của lớp áo giáp (2 băng thép) <i>Dimension of armour layer (2 steel tapes)</i>		- nt -		
	• Chiều dày trung bình/ <i>Average thickness</i>	mm		≥ 0,45	0,50
3	Chiều dày của lớp cách điện XLPE <i>Thickness of XLPE insulation</i>		- nt -		
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>				
	▪ Giá trị nhỏ nhất/ <i>Minimum value</i>	mm		≥ 1,43	1,61
	▪ Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm		≥ 1,7	1,77
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>				
	▪ Giá trị nhỏ nhất/ <i>Minimum value</i>	mm		≥ 0,98	1,14
	▪ Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm		≥ 1,2	1,25
4	Điện trở suất khối của cách điện ở 20°C <i>Volume resistivity of insulation at 20 °C</i>	Ω.cm	- nt -	--	4,0.10 ¹⁵
5	Độ bền điện áp tần số công nghiệp 3,5kV/5min <i>AC voltage test for 3.5kV/5min</i>		- nt -	Không bị đánh thủng <i>No breakdown</i>	Đạt <i>Pass</i>
6	Độ bền điện áp tần số công nghiệp 2,4kV/4h <i>AC voltage test for 2.4kV/4h</i>		- nt -	Không bị đánh thủng <i>No breakdown</i>	Đạt <i>Pass</i>
7	Điện trở suất khối của cách điện ở 90°C <i>Volume resistivity of insulation at 90 °C</i>	Ω.cm	- nt -	≥ 10 ¹²	1,3.10 ¹⁴
8	Suất kéo đứt của cách điện trước lão hoá <i>Tensile strength of insulation without ageing</i>	N/mm ²	- nt -	≥ 12,5	17,5

Số/No:.....20../5073../TN2-01.....

Trang/Page:.....3../5.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
9	Độ dẫn dài tương đối của cách điện trước lão hoá <i>Elongation at break of insulation without ageing</i>	%	- nt -	≥ 200	640,1
10	Suất kéo đứt của vỏ bọc ngoài trước lão hoá <i>Tensile strength of oversheath without ageing</i>	N/mm ²	- nt -	$\geq 12,5$	14,6
11	Độ dẫn dài tương đối của vỏ bọc ngoài trước lão hoá <i>Elongation at break of oversheath without ageing</i>	%	- nt -	≥ 150	272,3
12	Thử lão hoá cho cách điện ở 135°C trong 168h <i>Ageing test on insulation at 135°C in 168h</i>		- nt -		
	• Độ biến đổi của suất kéo đứt so với trước lão hoá/ <i>Variation of tensile strength</i>	%		± 25	-10,9
	• Độ biến đổi của độ dẫn dài tương đối so với trước lão hoá/ <i>Variation of elongation at break</i>	%		± 25	-1,5
13	Thử lão hoá cho vỏ bọc ngoài ở 100°C trong 168h <i>Ageing test on oversheath at 100°C in 168h</i>		- nt -		
13.1	Suất kéo đứt/ <i>Tensile strength</i>	N/mm ²		$\geq 12,5$	14,2
	• Độ biến đổi so với trước lão hoá/ <i>Variation</i>	%		± 25	-2,7
13.2	Độ dẫn dài tương đối/ <i>Elongation at break</i>	%		≥ 150	271,8
	• Độ biến đổi so với trước lão hoá/ <i>Variation</i>	%		± 25	-0,2
14	Thử lão hoá cho mẫu cáp hoàn chỉnh ở 100°C trong 168h/ <i>Ageing test on piece completed cable at 100°C in 168h</i>		- nt -		
14.1	Độ biến đổi của suất kéo đứt cách điện so với trước lão hoá <i>Variation of tensile strength of insulation</i>	%		± 25	-6,9
14.2	Độ biến đổi của độ dẫn dài tương đối cách điện so với trước lão hoá <i>Variation of elongation at break of insulation</i>	%		± 25	-11,8
14.3	Suất kéo đứt của vỏ bọc ngoài <i>Tensile strength of oversheath</i>	N/mm ²		$\geq 12,5$	13,1

Số/No:.....20../...5073../...TN2../...01.....

Trang/Page:.....4 / 5.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
14.4	Độ biến đổi so với trước lão hoá/ <i>Variation</i> Độ dẫn dài tương đối của vỏ bọc ngoài <i>Elongation at break of oversheath</i>	%		± 25	-10,3
		%		≥ 150	262,8
15	Độ biến đổi so với trước lão hoá/ <i>Variation</i> Độ co ngót của cách điện <i>Shrinkage test on insulation</i>	%	- nt -	± 25	-3,5
		%		$\leq 4,0$	3,4
16	Thử hot set cho cách điện <i>Hot set test on insulation</i>		- nt -		
	Độ dẫn dài khi có tải <i>Elongation under load</i>	%		≤ 175	100
	Độ dẫn dài dư sau khi làm nguội <i>Permanent elongation after cooling</i>	%		≤ 15	5,3
17	Độ ngấm nước của cách điện <i>Water absorption of insulation</i>	mg/cm ²	- nt -	$\leq 1,0$	0,07
18	Thử sốc nhiệt cho vỏ bọc ngoài <i>Heat shock test on oversheath</i>		- nt -	Không nứt <i>No cracking</i>	Đạt <i>Pass</i>
19	Thử nén ở nhiệt độ cao cho vỏ bọc ngoài <i>Pressure test at high temperature on oversheath</i>		- nt -		
20	Độ sâu vết lõm/ <i>The indentation value</i> Tổn hao khối lượng của vỏ bọc ngoài <i>Loss of mass of oversheath</i>	%		≤ 50	25,6
		mg/cm ²	- nt -	$\leq 1,5$	0,7
21	Thử nghiệm ở nhiệt độ thấp đối với vỏ bọc ngoài <i>Behaviour at low temperature on oversheath</i>		- nt -		
21.1	Thử nghiệm dẫn dài/ <i>Cold elongation test</i>				
	Độ dẫn dài tương đối <i>Elongation at break</i>	%		≥ 20	Đạt <i>Pass</i>
21.2	Thử nghiệm va đập <i>Cold impact test</i>			Không nứt <i>No cracking</i>	Đạt <i>Pass</i>

Số/No:.....20../...5073../...TN2../...01....

Trang/Page:.....5../...5.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
22	Ruột dẫn/ <i>The conductor</i>		TCVN		
22.1	Cấp của ruột dẫn/ <i>Class of the conductor</i>		6612:2007		
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>			1 hoặc/or 2	2
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>			1 hoặc/or 2	2
22.2	Hình dạng của ruột dẫn/ <i>Shape of the conductor</i>			--	Bện tròn có nén
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>			--	Circular compacted
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>			--	
22.3	Số sợi nhôm/ <i>Number of aluminium wires</i>				
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>			≥ 30	37
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>			≥ 15	19
22.4	Đường kính của ruột dẫn <i>Diameter of the conductor</i>				
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>	mm		17,6 ÷ 19,2	18,62
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>	mm		12,3 ÷ 13,5	12,85
22.5	Điện trở một chiều của ruột dẫn ở 20°C <i>DC resistance of the conductor at 20°C</i>				
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>	Ω/km		≤ 0,125	0,123
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>	Ω/km		≤ 0,253	0,250

Hình ảnh/ Picture:



Số/No: 21 / TN2 / 4896 - 03

Trang/Page: 1 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử:** Cáp điện Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x300+1x185 mm² – 0,6/1kV
Sample: Electric cable Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x300+1x185 sqmm – 0.6/1kV
- Khách hàng:** Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân
Customer:
- Số lượng mẫu:** 01
Quantity:
- Nhãn hiệu:** AUGUST STAR CABLE
Trademark:
- Tình trạng mẫu:** Mới, chưa qua sử dụng
Sample observation: New, unused
- Ngày nhận mẫu:** 02 / 12 / 2021
Reception date:
- Ngày thử nghiệm:** 03 / 12 / 2021 ÷ 24 / 12 / 2021
Test duration:
- Phương pháp thử:** TCVN 5935-1:2013; TCVN 6614; TCVN 6612:2007
Test methods:

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG
 Chief of Electric, Electronic & Energy efficiency Testing Lab

Đặng Thanh Tùng

Hanoi, date of 24 / 12 / 2021

GIÁM ĐỐC

Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....21./ TN2./ 4896.-03..

Trang/Page:.....2./ 5..

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
1	Các phép thử điện/ Electrical tests		TCVN		
1.1	Điện trở suất khối của cách điện ở 20°C <i>Volume resistivity of insulation at 20 °C</i>	Ω.cm	5935-1:2013 TCVN 6614	--	2,7.10 ¹⁶
1.2	Độ bền điện áp tần số công nghiệp 3,5kV/4h <i>AC voltage test for 3.5kV/4h</i>			Không bị đánh thủng <i>No breakdown</i>	Đạt <i>Pass</i>
1.3	Độ bền điện áp tần số công nghiệp 2,4kV/4h <i>AC voltage test for 2.4kV/4h</i>			Không bị đánh thủng <i>No breakdown</i>	Đạt <i>Pass</i>
1.4	Điện trở suất khối của cách điện ở 90°C <i>Volume resistivity of insulation at 90 °C</i>	Ω.cm		≥ 10 ¹²	1,7.10 ¹⁵
2	Ruột dẫn/ The conductor		TCVN		
2.1	Cấp của ruột dẫn/ <i>Class of the conductor</i>		6612:2007		
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>			1, 2 hoặc/or 5	2
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>			1, 2 hoặc/or 5	2
2.2	Hình dạng của ruột dẫn/ <i>Shape of the conductor</i>				
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>			--	Bện tròn có nén
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>			--	Circular compacted
2.3	Số sợi nhôm/ <i>Number of aluminium wires</i>				
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>			≥ 30	37
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>			≥ 30	37
2.4	Đường kính của ruột dẫn <i>Diameter of the conductor</i>				
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>	mm		19,7 ÷ 21,6	20,85
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>	mm		15,3 ÷ 16,8	16,31

Số/No:.....21../TN2../4896.-03..

Trang/Page:.....3../5..

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
2.5	Điện trở một chiều của ruột dẫn ở 20°C <i>DC resistance of the conductor at 20 °C</i>				
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>	Ω/km		≤ 0,100	0,097
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>	Ω/km		≤ 0,164	0,159
3	Lớp cách điện XLPE/ <i>XLPE insulation</i>		- nt -		
3.1	Chiều dày/ <i>Thickness</i>				
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>				
	▪ Giá trị nhỏ nhất/ <i>Minimum value</i>	mm		≥ 1,52	1,71
	▪ Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm		≥ 1,8	1,87
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>				
	▪ Giá trị nhỏ nhất/ <i>Minimum value</i>	mm		≥ 1,34	1,55
	▪ Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm		≥ 1,6	1,70
3.2	Tính chất cơ/ <i>Mechanical properties</i>				
3.2.1	Trước lão hoá/ <i>Before ageing</i>				
	• Suất kéo đứt/ <i>Tensile strength</i>	N/mm ²		≥ 12,5	17,6
	• Độ giãn dài tương đối/ <i>Elongation at break</i>	%		≥ 150	667,0
3.2.2	Sau khi lão hoá trong lò không khí ở (135±3)°C trong 168h <i>After ageing in air oven at (135±3) °C in 168h</i>				
	• Độ biến đổi của suất kéo đứt so với trước lão hoá/ <i>Variation of tensile strength</i>	%		± 25	-1,7
	• Độ biến đổi của độ giãn dài tương đối so với trước lão hoá/ <i>Variation of elongation at break</i>	%		± 25	-4,1
3.3	Độ co ngót/ <i>Shrinkage test</i>	%		≤ 4,0	2,6
3.4	Thử hot set/ <i>Hot set test</i>				
	• Độ giãn dài khi có tải <i>Elongation under load</i>	%		≤ 175	75

Số/No:....21../TN2../4896.-03...

Trang/Page:....4 / 5....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
	• Độ dẫn dài dư sau khi làm nguội <i>Permanent elongation after cooling</i>	%		≤ 15	5,0
3.5	Độ ngấm nước/ <i>Water absorption</i>	mg/cm ²		≤ 1,0	0,12
4	Lớp áo giáp (2 băng thép) <i>Armour layer (2 steel tapes)</i>		- nt -		
	• Chiều dày trung bình/ <i>Average thickness</i>	mm		≥ 0,45	0,50
5	Lớp vỏ bọc ngoài PVC/ <i>PVC oversheath</i>		- nt -		
5.1	Chiều dày/ <i>Thickness</i>				
	• Giá trị nhỏ nhất/ <i>Minimum value</i>	mm		≥ 2,20	3,09
	• Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm		--	3,36
5.2	Tính chất cơ/ <i>Mechanical properties</i>				
5.2.1	Trước lão hoá/ <i>Before ageing</i>				
	• Suất kéo đứt/ <i>Tensile strength</i>	N/mm ²		≥ 12,5	15,0
	• Độ dẫn dài tương đối/ <i>Elongation at break</i>	%		≥ 150	248,6
5.2.2	Sau khi lão hoá trong lò không khí ở (100±2)°C trong 168h <i>After ageing in air oven at (100±2)°C in 168h</i>				
	• Suất kéo đứt/ <i>Tensile strength</i>	N/mm ²		≥ 12,5	14,2
	▪ Độ biến đổi so với trước lão hoá/ <i>Variation</i>	%		± 25	-5,3
	• Độ dẫn dài tương đối/ <i>Elongation at break</i>	%		≥ 150	272,5
	▪ Độ biến đổi so với trước lão hoá/ <i>Variation</i>	%		± 25	+9,6
5.3	Thử sốc nhiệt/ <i>Heat shock test</i>			Không nứt <i>No cracking</i>	Đạt <i>Pass</i>
5.4	Thử nén ở nhiệt độ cao <i>Pressure test at high temperature</i>				
	• Độ sâu vết lõm/ <i>The indentation value</i>	%		≤ 50	18,5
5.5	Tổn hao khối lượng/ <i>Loss of mass</i>	mg/cm ²		≤ 1,5	1,2
5.6	Thử ở nhiệt độ thấp/ <i>Behaviour at low temperature</i>				

Số/No: 21 / TN2 / 4896 - 03

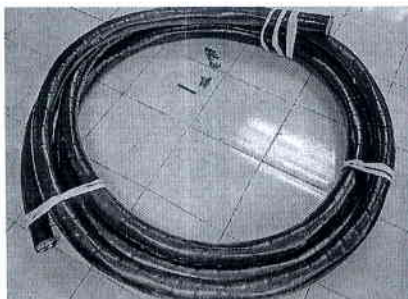
Trang/Page: 5 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
5.6.1	Thử độ dẫn dài/ <i>Cold elongation test</i> • Độ dẫn dài tương đối/ <i>Elongation at break</i>	%		≥ 20	Đạt <i>Pass</i>
5.6.2	Thử va đập / <i>Cold impact test</i>			Không nứt <i>No cracking</i>	Đạt <i>Pass</i>
6	Cáp hoàn chỉnh/ <i>Completed cable</i>		- nt -		
6.1	Đường kính ngoài/ <i>Overall diameter</i>	mm		--	71,1
6.2	Sau khi lão hoá cho mẫu cáp hoàn chỉnh trong lò không khí ở (100±2)°C trong 168h <i>After ageing the piece completed cable in air oven at (100±2)°C in 168h</i>				
6.2.1	Độ biến đổi của suất kéo đứt cách điện so với trước lão hoá/ <i>Variation of tensile strength of insulation</i>	%		± 25	+5,1
6.2.2	Độ biến đổi của độ dẫn dài tương đối cách điện so với trước lão hoá/ <i>Variation of elongation at break of insulation</i>	%		± 25	-1,7
6.2.3	Suất kéo đứt của vỏ bọc ngoài <i>Tensile strength of oversheath</i>	N/mm ²		≥ 12,5	15,6
	• Độ biến đổi so với trước lão hoá/ <i>Variation</i>	%		± 25	+4,0
6.2.4	Độ dẫn dài tương đối của vỏ bọc ngoài <i>Elongation at break of oversheath</i>	%		≥ 150	256,6
	• Độ biến đổi so với trước lão hoá/ <i>Variation</i>	%		± 25	+3,2

Hình ảnh/ *Picture:*



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Cáp nhôm vặn xoắn Al/XLPE 4x120 mm² - 0,6/1kV
Sample: Electric cable - XLPE insulated - Aerial bundled 4x120 sqmm - 0.6/1kV
2. Khách hàng: Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân
Customer:
3. Số lượng mẫu: 01
Quantity:
4. Ký hiệu: VAN XUAN - AUGUST STAR
Mark:
5. Tình trạng mẫu: Mới, chưa qua sử dụng
Sample observation: New, unused
6. Ngày nhận mẫu: 18 / 04 / 2017
Reception date:
7. Ngày thử nghiệm: 19 / 04 / 2017 ÷ 19 / 05 / 2017
Test duration:
8. Phương pháp thử: TCVN 6447:1998; TCVN 5936:1995
Test methods: và Yêu cầu của khách hàng/ and Customer's requirement

Hanoi, date of 19 / 05 / 2017

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG
Chief of Electric, Electronic & Energy efficiency Testing Lab

GIÁM ĐỐC

Director


Đặng Thanh Tùng




Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 17 / 1170 / TN2 - 13

Trang/Page: 2 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
1	Đường kính lõi cáp <i>Overall diameter of the core</i>	mm	TCVN 6447:1998	$\leq 17,5$	16,90
2	Chiều dày của lớp cách điện XLPE <i>Thickness of XLPE insulation</i>		5936:1995		
	• Giá trị nhỏ nhất/ <i>Minimum value</i>	mm		$\geq 1,43$	1,63
	• Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm		$\geq 1,7$	1,79
	• Giá trị lớn nhất/ <i>Maximum value</i>	mm		$\leq 2,3$	1,87
3	Hằng số điện trở cách điện ở 20°C <i>Insulation resistance constant at 20°C</i>	GΩ.m	- nt -	$\geq 3.10^3$	$1,5.10^4$
4	Độ bền điện áp tần số công nghiệp 2kV/4h <i>AC voltage test for 2kV/4h</i>		- nt -	Không bị đánh thủng <i>No breakdown</i>	Đạt <i>Pass</i>
5	Hằng số điện trở cách điện ở 90°C <i>Insulation resistance constant at 90°C</i>	GΩ.m	- nt -	≥ 3	$2,6.10^3$
6	Suất kéo đứt của cách điện trước lão hóa <i>Tensile strength of insulation without ageing</i>	N/mm ²	- nt -	$\geq 12,5$	18,2
7	Độ giãn dài tương đối của cách điện trước lão hóa <i>Elongation at break of insulation without ageing</i>	%	- nt -	≥ 200	699,4
8	Thử lão hoá cho cách điện ở 135°C trong 168h <i>Ageing on insulation at 135°C in 168h</i>		- nt -		
	• Suất kéo đứt của cách điện so với trước lão hoá <i>Tensile strength (Percentage found in unaged specimens)</i>	%		≥ 75	82,8
	• Độ giãn dài tương đối của cách điện so với trước lão hoá <i>Elongation at break (Percentage found in unaged specimens)</i>	%		≥ 75	91,6
9	Độ co ngót của cách điện <i>Shrinkage test on insulation</i>	%	- nt -	$\leq 4,0$	3,1
10	Hàm lượng tro của cách điện <i>Carbon black content of insulation</i>	%	- nt -	$\geq 2,0$	2,09
11	Độ ngấm nước của cách điện <i>Water absorption of insulation</i>		- nt -		

Số/No:.....17 / 1170 / TN2 - 13...

Trang/Page:....3../3...

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
	Độ bền điện áp tần số công nghiệp 4000V/5min			Không bị đánh thủng	Đạt
	AC voltage test for 4000V/5min			No breakdown	Pass
	Độ bền điện áp một chiều 2000V/120h			Không bị đánh thủng	Đạt
	DC voltage test for 2000V/120h			No breakdown	Pass
12	Ruột dẫn/ The conductor		- nt -		
12.1	Hình dạng của ruột dẫn			Bện tròn có nén	Đạt
	Shape of the conductor			Circular compacted	Pass
12.2	Số sợi nhôm trong ruột dẫn			19 ± 1	19
	Number of aluminium wires in the conductor				
12.3	Lực kéo đứt của ruột dẫn (một pha)	kN		≥ 16,8	17,5
	Breaking load of the conductor (one phase)				
12.4	Đường kính ruột dẫn	mm		12,8 ÷ 13,5	13,32
	Diameter of the conductor				
12.5	Điện trở một chiều của ruột dẫn ở 20°C	Ω/km		≤ 0,253	0,25
	DC resistance of the conductor at 20°C				
13	Kích thước gân nổi (đối với lõi pha)		- nt -		
	Rib dimension (for phase cores)				
	Chiều cao/ Height	mm		0,5 ± 0,1	0,56
	Độ rộng phần đáy/ Base width	mm		1,0 ± 0,2	1,20
	Khoảng cách giữa các gân/ Spacing	mm		5,0 ± 1,0	4,89
14	Thử nghiệm xung điện áp tiêu chuẩn 1,2/50 μs ở 20kV		Yêu cầu của khách hàng		
	1.2/50μs impulse test at 20kV		Customer's requirement		
	10 xung dương/ 10 positive impulses			Không bị hư hỏng	Đạt
	10 xung âm/ 10 negative impulses			Without failure	Pass

KT3 - 0162BDI2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/04/2022

Page: 01/04

- Tên mẫu : **CÁP ACSR 300/39**
Name of sample
- Số lượng mẫu : 01
Quantity
- Mô tả mẫu : Đoạn cáp nhôm lõi thép dài 30 mét.
Description A conductor 30m length aluminium wire with steel core.
- Ngày nhận mẫu : 21/02/2022
Date of receiving
- Thời gian thử nghiệm : 25/02/2022 - 14/04/2022
Testing duration
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN**
Customer Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội, Việt Nam
- Phương pháp thử : IEC 61395: 1998
Test method Overhead electrical conductors - Creep test procedures for stranded conductors
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/04 - 04/04
Test result See pages

P. TRƯỞNG PHÒNG PTN ĐIỆN
FOR HEAD OF ELECTRICAL TESTING LAB.
Nguyễn Mừng**TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR**
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.

Nguyễn Tấn Tùng

KT3 - 0162BDI2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/04/2022

Page: 02/04

IEC 61395 : 1998

Điều Clause	Yêu cầu - Thử nghiệm Requirement - Test	Kết quả - Ghi chú Result - Remark	Nhận xét Verdict
	Mẫu thử/ Test sample		
	•Số sợi và đường kính sợi nhôm Number and diameter of aluminium wires	24/4,00 mm	-
	•Đường kính tổng Overall diameter	23,95 mm	-
	•Độ bền kéo danh định (RTS) Rated tensile strength	90,574 kN	-
5	Chọn lựa và chuẩn bị mẫu thử Sample selection and preparation		-
5,1	Chọn lựa mẫu thử/ Sample selection		
	Lấy mẫu Sample shall be taken	30 m (do khách hàng gửi đến) (submitted by customer)	
	Chiều dài mẫu thử/ Sample length	3,7 m	-
	Chiều dài cỡ đo/ Gauge length	(1955 ± 1) mm	-
5,2	Chuẩn bị mẫu thử Sample preparation	Phụ kiện kẹp epoxy End fittings of epoxy type	-
6	Nhiệt độ và thay đổi nhiệt độ Temperature and temperature variations	(20 ± 2) oC	-
7	Tải/ Load		
7,1	Tải thử/ Test load	20 %RTS = 18,11 kN ± 1%	
7,2	Đo giãn dài/ Strain measurement		-
	Đo chính xác của thiết bị đo Accuracy of test equipment	0,005 mm / 2000 mm	-
8	Tiến hành thử/ Test procedure		
	Tải ban đầu không quá 2 %RTS Preload of up to 2 %RTS	1,8 kN	-
	Thời gian tăng tải/ The loading time	5 min ± 10 s	-

Ghi chú / Notice:

(-) : Thông tin bổ sung, không yêu cầu nhận xét / Additional information without verdict.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc và kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn và ra.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

KT3 - 0162BDI2/2

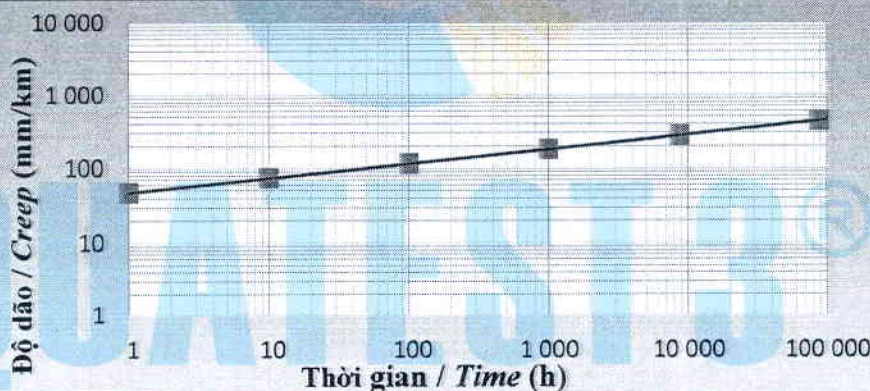
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/04/2022

Page: 03/04

IEC 61395 : 1998

Điều Clause	Yêu cầu - Thử nghiệm Requirement - Test	Kết quả - Ghi chú Result - Remark	Nhận xét Verdict
9	Thu thập số liệu <i>Data acquisition</i>	Giá trị độ dẫn được ghi nhận ở các thời điểm: 0,01 h; 0,03 h; 0,10 h; 0,32 h; 1,00 h; 1,58 h; 2,51 h; 3,98 h; 6,31 h; 10,0 h; 15,8 h; 25,1 h; 39,8 h; 63,1 h; 100 h; 158 h; 251 h; 398 h và 1000 h	-
10	Tính toán số liệu <i>Data calculation</i>	Phương trình độ dẫn được tính toán bằng phương pháp hồi quy tuyến tính, sử dụng các giá trị trong khoảng 1 h và 1000 h <i>The creep equation was calculated by linear regression using the values between 1 h and 1000 h</i>	-



11.3	Phương trình độ dẫn ở 20%RTS <i>Creep equation at 20%RTS</i>	$\epsilon_{1-1000} = 47,06 \times t^{0,1959}$	-
	Độ dẫn của dây dẫn ở 20%RTS (mm/km) <i>Creep of conductor at 20%RTS</i>		
	• 1 h	47,1 mm/km	-
	• 10 h	73,9 mm/km	-
	• 100 h	116,0 mm/km	-
	• 1000 h	182,1 mm/km	-
	• 1 năm/years (8 760 h)	278,6 mm/km	-
	• 10 năm/years (87 600 h)	437,3 mm/km	-
	• 30 năm/years (262 800 h)	542,4 mm/km	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

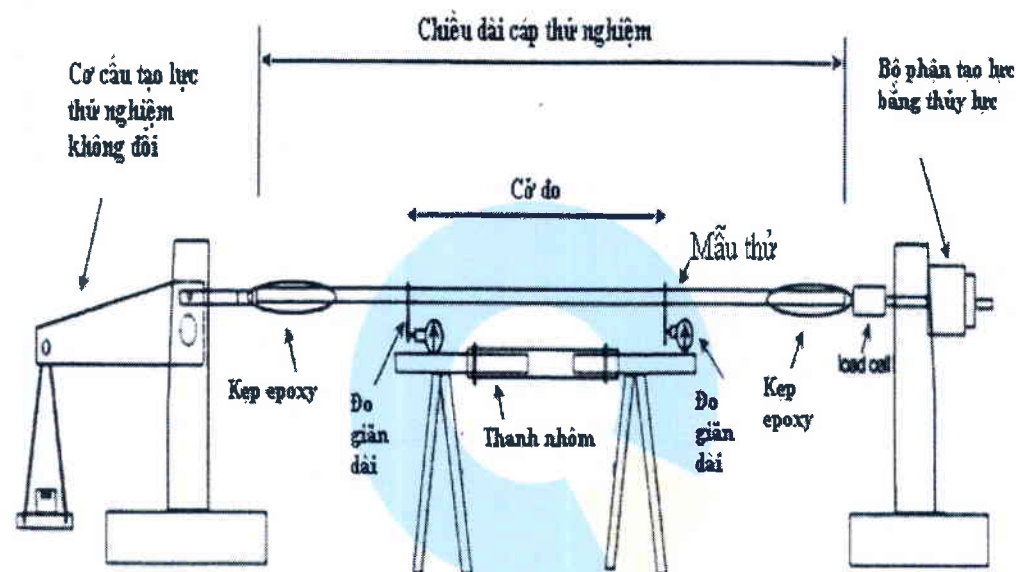
KT3 - 0162BDI2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/04/2022

Page: 04/04

Mô hình thử nghiệm
Test assembly



QUATEST 3®

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

Số/No: 20 / 4533 / TN2 - 08

Trang/Page: 1 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử:** Cáp nhôm lõi thép ACSR 400/51 mm² (có mỡ bảo vệ)
Sample: Aluminium conductor steel reinforced ACSR 400/51 sqmm (include grease)
- Khách hàng:** Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân
Customer:
- Số lượng mẫu:** 01
Quantity:
- Tình trạng mẫu:** Mới, chưa qua sử dụng
Sample observation : New, unused
- Ngày nhận mẫu:** 30 / 09 / 2020
Reception date:
- Ngày thử nghiệm:** 01 / 10 / 2020 ÷ 22 / 10 / 2020
Test duration:
- Phương pháp thử:** TCVN 5064:1994 & TCVN 5064:1994/SĐ1:1995; IEC 61089:1991
Test methods: và Yêu cầu của khách hàng/ and Customer's requirement

Hanoi, date of 22 / 10 / 2020

GIÁM ĐỐC
 Director

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG
 Chief of Electric, Electronic & Energy efficiency Testing Lab

Đặng Thanh Tùng



PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 20 / 4533 / TN2 - 08

Trang/Page: 2 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

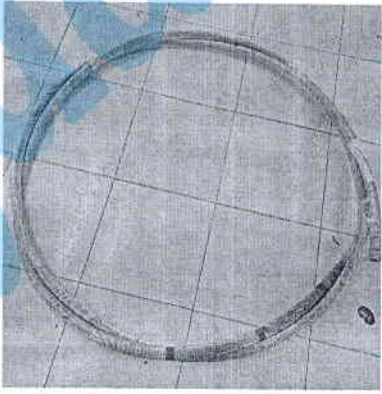
TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
1	Đường kính ngoài của cáp <i>Overall diameter of the cable</i>	mm	TCVN 5064:1994	--	27,5
2	Số sợi/Đường kính sợi nhôm <i>Number/Diameter of aluminium wires</i>	Sợi/mm	& TCVN	54 / 3,05±0,04	54/3,05
3	Số sợi/Đường kính sợi thép <i>Number/Diameter of steel wires</i>	Sợi/mm	5064:1994/ SĐ1:1995	7 / 3,05±0,07	7/3,07
4	Tiết diện của cáp/ <i>Area of the cable</i> - Phần nhôm / <i>Aluminium</i> - Phần thép / <i>Steel</i> - Tổng / <i>Total</i>	mm ² mm ² mm ²	IEC 61089:1991 Yêu cầu của khách hàng	-- -- --	394,5 51,8 446,3
5	Số lớp xoắn/ <i>Number of layers</i>		<i>Customer's</i>	--	4
6	Chiều xoắn của lớp ngoài cùng <i>Direction of lay of outside layer</i>		<i>requirement</i>	Z	Z
7	Bội số bước xoắn/ <i>Lay factor</i> - Phần nhôm / <i>Aluminium</i> - Lớp ngoài / <i>Outer layer</i> - Lớp giữa / <i>Middle layer</i> - Lớp trong / <i>Inner layer</i> - Phần thép / <i>Steel</i>		- nt -	10 ÷ 15 10 ÷ 16 10 ÷ 18 14 ÷ 28	13,9 15,1 17,2 23,5
8	Sợi nhôm/ <i>Aluminium wires</i> - Suất kéo đứt/ <i>Tensile strength</i> - Độ giãn dài tương đối/ <i>Elongation at break</i> - Số lần bẻ gập/ <i>Number of bendings</i>	N/mm ² %	- nt -	≥ 170 ≥ 1,6 ≥ 8	171,6 2,4 8
9	Sợi thép/ <i>Steel wires</i> - Suất kéo đứt/ <i>Tensile strength</i> - Ứng suất 1% giãn dài/ <i>Stress at 1% extension</i> - Độ giãn dài tương đối/ <i>Elongation at break</i> - Khối lượng tầng kẽm/ <i>Area density of zinc coating</i>	N/mm ² N/mm ² % g/m ²	- nt -	≥ 1274 ≥ 1098 ≥ 4,0 ≥ 230	1490,3 1306,5 5,0 276,3

Số/No: 20 / 4533 / TN2 - 08

Trang/Page: 3 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
	Độ bám dính của lớp mạ kẽm khi thử uốn <i>Adherence of coating test</i>			Không bong tróc <i>No cracking</i>	Đạt Pass
10	Lực kéo đứt toàn cáp <i>Breaking load of the cable</i>	N	- nt -	≥ 120481	135373
11	Điện trở một chiều của ruột dẫn ở 20°C <i>DC resistance of the conductor at 20 °C</i>	Ω/km	- nt -	$\leq 0,0733$	0,0728
12	Nhiệt độ chảy giọt tối thiểu của mỡ bảo vệ <i>Minimum drop - point temperature of the grease</i>	°C	- nt -	105	Đạt Pass
13	Khối lượng của cáp/ <i>Mass of the cable</i> - Khối lượng của cáp (không mỡ) <i>Mass of the cable (not include grease)</i> - Khối lượng mỡ/ <i>Mass of the grease</i> - Khối lượng tổng/ <i>Total mass</i>	kg/km kg/km kg/km	- nt -	1490,9 $\pm$ 2% -- --	1493,5 54,2 1547,7
Hình ảnh/ Picture: 					



Số/No: 20 / 1151 / TN2 - 07

Trang/Page: 1 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. **Tên mẫu thử:** Cáp điện ACSR/XLPE/HDPE 240/32 mm² – 24kV
Sample: Electric cable ACSR/XLPE/HDPE 240/32 sqmm – 24kV
2. **Khách hàng:** Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân
Customer:
3. **Số lượng mẫu:** 01
Quantity:
4. **Nhãn hiệu:** AUGUST STAR CABLE
Trademarking:
5. **Tình trạng mẫu:** Mới, chưa qua sử dụng
Sample observation: New, unused
6. **Ngày nhận mẫu:** 25 / 03 / 2020
Reception date:
7. **Ngày thử nghiệm:** 26 / 03 / 2020 ÷ 24 / 04 / 2020
Test duration:
8. **Phương pháp thử:** TCVN 5935-2:2013; TCVN 6614
Test methods: TCVN 5064:1994 & TCVN 5064:1994/SĐ1:1995
 và Yêu cầu của khách hàng/ and Customer's requirement

Hanoi, date of 24 / 04 / 2020

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG
 Chief of Electric, Electronic & Energy efficiency Testing Lab

Đặng Thanh Tùng

GIÁM ĐỐC
 Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 20 / 1151 / TN2 - 07

Trang/Page: 2 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
1	Ruột dẫn/ The conductor		TCVN		
1.1	Đường kính của ruột dẫn Diameter of the conductor	mm	5935-2:2013 TCVN 6614	--	21,7
1.2	Số sợi/ Đường kính sợi nhôm Number/ Diameter of aluminium wires	mm	TCVN 5064:1994	24 / 3,60±0,04	24/3,60
1.3	Số sợi/ Đường kính sợi thép Number/ Diameter of steel wires	mm	& TCVN	7 / 2,40±0,06	7/2,42
1.4	Tiết diện của ruột dẫn/ Area of the conductor		5064:1994/		
	• Phần nhôm / Aluminium	mm ²	SĐ1:1995	--	244,3
	• Phần thép / Steel	mm ²	Yêu cầu của	--	32,2
	• Tổng / Total	mm ²	khách hàng	--	276,5
1.5	Số lớp xoắn/ Number of layers		Customer's	--	3
1.6	Chiều xoắn của lớp ngoài cùng Direction of lay of outside layer		requirement	Z	Z
1.7	Bội số bước xoắn/ Lay factor				
	• Phần nhôm / Aluminium				
	▪ Lớp ngoài / Outer layer			10 ÷ 15	13,7
	▪ Lớp trong / Inner layer			10 ÷ 18	16,9
	• Phần nhôm / Aluminium			14 ÷ 28	23,4
1.8	Sợi nhôm/ Aluminium wires				
	• Suất kéo đứt/ Tensile strength	N/mm ²		≥ 160	161,4
	• Độ giãn dài tương đối/ Elongation at break	%		≥ 1,8	2,4
	• Số lần bẻ gập/ Number of bendings			≥ 7	7
1.9	Sợi thép/ Steel wires				
	• Suất kéo đứt/ Tensile strength	N/mm ²		≥ 1313	1482,7
	• Ứng suất 1% giãn dài/ Stress at 1% extension	N/mm ²		≥ 1166	1305,6
	• Độ giãn dài tương đối/ Elongation at break	%		≥ 4,0	4,5

Số/No: 20 / 1151 / TN2 - 07

Trang/Page: 3 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
1.10	• Khối lượng tăng kẽm/ <i>Mass of zinc coating</i>	g/m ²		≥ 230	273,2
	• Độ bám dính của lớp mạ kẽm <i>Adherence of zinc coating</i>			Không bong tróc <i>No cracking</i>	Đạt <i>Pass</i>
	Lực kéo đứt của ruột dẫn <i>Breaking load of the conductor</i>			≥ 75050	81470
1.11	Điện trở một chiều của ruột dẫn ở 20°C <i>DC resistance of the conductor at 20°C</i>	Ω/km		≤ 0,1182	0,1176
2	Chiều dày của lớp bán dẫn trong <i>Thickness of conductor screen</i>		- nt -		
3	• Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm	- nt -	--	0,30
	Chiều dày của lớp cách điện XLPE <i>Thickness of XLPE insulation</i>				
	• Giá trị nhỏ nhất/ <i>Minimum value</i>	mm		--	2,45
4	• Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm	- nt -	--	2,64
	Chiều dày của lớp vỏ bọc ngoài HDPE <i>Thickness of HDPE oversheath</i>				
	• Giá trị nhỏ nhất/ <i>Minimum value</i>	mm		--	1,86
5	• Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm	- nt -	--	1,97
	Đường kính ngoài của cáp <i>Overall diameter of the cable</i>	mm		--	31,5
6	Độ bền điện áp tần số công nghiệp 20kV/1min <i>AC voltage test for 20kV/1min</i>		- nt -	Không bị đánh thủng <i>No breakdown</i>	Đạt <i>Pass</i>
7	Thử xung điện áp tiêu chuẩn 1,2/50μs ở 75kV <i>1.2/50μs impulse test at 75kV</i>				
	• 10 xung dương/ <i>10 positive impulses</i>			Không bị hư hỏng <i>Without failure</i>	Đạt <i>Pass</i>

Số/No: 20 / 1151 / TN2 - 07

Trang/Page: 4 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
	• 10 xung âm/ 10 negative impulses			Không bị hư hỏng Without failure	Đạt Pass
8	Suất kéo đứt của cách điện trước lão hoá Tensile strength of insulation without ageing	N/mm ²	- nt -	≥ 12,5	16,5
9	Độ dẫn dài tương đối của cách điện trước lão hoá Elongation at break of insulation without ageing	%	- nt -	≥ 200	644,7
10	Suất kéo đứt của vỏ bọc ngoài trước lão hoá Tensile strength of oversheath without ageing	N/mm ²	- nt -	≥ 12,5	24,5
11	Độ dẫn dài tương đối của vỏ bọc ngoài trước lão hoá Elongation at break of oversheath without ageing	%	- nt -	≥ 300	864,5
12	Thử lão hoá cho cách điện ở 135°C trong 168h Ageing test on insulation at 135°C in 168h		- nt -		
	• Độ biến đổi của suất kéo đứt so với trước lão hoá/ Variation of tensile strength	%		± 25	+1,8
	• Độ biến đổi của độ dẫn dài tương đối so với trước lão hoá/ Variation of elongation at break	%		± 25	-3,3
13	Thử lão hoá cho vỏ bọc ngoài ở 110°C trong 240h Ageing test on oversheath at 110°C in 240h		- nt -		
	• Suất kéo đứt/ Tensile strength	N/mm ²		--	23,5
	• Độ dẫn dài tương đối/ Elongation at break	%		≥ 300	753,1
14	Thử lão hoá cho mẫu cáp hoàn chỉnh ở 100°C trong 168h/ Ageing test on piece completed cable at 100°C in 168h		- nt -		
14.1	Độ biến đổi của suất kéo đứt cách điện so với trước lão hoá Variation of tensile strength of insulation	%		± 25	+6,1
14.2	Độ biến đổi của độ dẫn dài tương đối cách điện so với trước lão hoá Variation of elongation at break of insulation	%		± 25	+0,9

Số/No: 20 / 1151 / TN2 - 07

Trang/Page: 5 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
14.3	Suất kéo đứt của vỏ bọc ngoài <i>Tensile strength of oversheath</i>	N/mm ²		--	25,5
14.4	Độ giãn dài tương đối của vỏ bọc ngoài <i>Elongation at break of oversheath</i>	%		≥ 300	858,3
15	Độ co ngót/ <i>Shrinkage test</i>		- nt -		
	• Cách điện/ <i>On insulation</i>	%		≤ 4,0	2,1
	• Vỏ bọc/ <i>On oversheath</i>	%		≤ 3,0	1,2
16	Thử hot set cho cách điện <i>Hot set test on insulation</i>		- nt -		
	• Độ giãn dài khi có tải <i>Elongation under load</i>	%		≤ 175	100
	• Độ giãn dài dư sau khi làm nguội <i>Permanent elongation after cooling</i>	%		≤ 15	5,9
17	Độ ngấm nước của cách điện <i>Water absorption of insulation</i>	mg/cm ²	- nt -	≤ 1,0	0,07
18	Thử nén ở nhiệt độ cao cho vỏ bọc ngoài <i>Pressure test at high temperature on oversheath</i>		- nt -		
	• Độ sâu vết lõm/ <i>The indentation value</i>	%		≤ 50	1,5
19	Hàm lượng carbon của vỏ bọc ngoài <i>Carbon black content of oversheath</i>	%	- nt -	2,5 ± 0,5	2,37

Hình ảnh/ Picture:



Số/No: 20 / 1151 / TN2 - 08

Trang/page: 1 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. **Tên mẫu thử:** Cáp điện ACSR/XLPE/HDPE 240/32 mm² – 35kV
Sample: Electric cable ACSR/XLPE/HDPE 240/32 sqmm – 35kV
2. **Khách hàng:** Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân
Customer:
3. **Số lượng mẫu:** 01
Quantity:
4. **Nhãn hiệu:** AUGUST STAR CABLE
Trademarking:
5. **Tình trạng mẫu:** Mới, chưa qua sử dụng
Sample observation: New, unused
6. **Ngày nhận mẫu:** 25 / 03 / 2020
Reception date:
7. **Ngày thử nghiệm:** 26 / 03 / 2020 ÷ 24 / 04 / 2020
Test duration:
8. **Phương pháp thử:** TCVN 5935-2:2013; TCVN 6614
Test methods: TCVN 5064:1994 & TCVN 5064:1994/SĐ1:1995
 và Yêu cầu của khách hàng/ and Customer's requirement

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG
Chief of Electric, Electronic & Energy efficiency Testing Lab

Đặng Thanh Tùng

Hanoi, date of 24 / 04 / 2020

GIÁM ĐỐC
Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 20 / 1151 / TN2 - 08

Trang/Page: 2 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
1	Ruột dẫn/ The conductor		TCVN		
1.1	Đường kính của ruột dẫn Diameter of the conductor	mm	5935-2:2013 TCVN 6614	--	21,6
1.2	Số sợi/ Đường kính sợi nhôm Number/ Diameter of aluminium wires	mm	TCVN 5064:1994	24 / 3,60±0,04	24/3,60
1.3	Số sợi/ Đường kính sợi thép Number/ Diameter of steel wires	mm	& TCVN	7 / 2,40±0,06	7/2,41
1.4	Tiết diện của ruột dẫn/ Area of the conductor		5064:1994/		
	• Phần nhôm / Aluminium	mm ²	SĐ1:1995	--	244,3
	• Phần thép / Steel	mm ²	Yêu cầu của	--	31,9
	• Tổng / Total	mm ²	khách hàng	--	276,2
1.5	Số lớp xoắn/ Number of layers		Customer's	--	3
1.6	Chiều xoắn của lớp ngoài cùng Direction of lay of outside layer		requirement	Z	Z
1.7	Bội số bước xoắn/ Lay factor				
	• Phần nhôm / Aluminium				
	▪ Lớp ngoài / Outer layer			10 ÷ 15	14,6
	▪ Lớp trong / Inner layer			10 ÷ 18	17,2
	• Phần nhôm / Aluminium			14 ÷ 28	24,4
1.8	Sợi nhôm/ Aluminium wires				
	• Suất kéo đứt/ Tensile strength	N/mm ²		≥ 160	161,5
	• Độ giãn dài tương đối/ Elongation at break	%		≥ 1,8	2,5
	• Số lần bẻ gấp/ Number of bendings			≥ 7	7
1.9	Sợi thép/ Steel wires				
	• Suất kéo đứt/ Tensile strength	N/mm ²		≥ 1313	1465,2
	• Ứng suất 1% giãn dài/ Stress at 1% extension	N/mm ²		≥ 1166	1298,6
	• Độ giãn dài tương đối/ Elongation at break	%		≥ 4,0	4,7

Số/No: 20 / 1151 / TN2 - 08

Trang/Page: 3 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
1.10	• Khối lượng tầng kẽm/ <i>Mass of zinc coating</i>	g/m ²		≥ 230	272,4
	• Độ bám dính của lớp mạ kẽm <i>Adherence of zinc coating</i>			Không bong tróc <i>No cracking</i>	Đạt <i>Pass</i>
	Lực kéo đứt của ruột dẫn <i>Breaking load of the conductor</i>			≥ 75050	80880
1.11	Điện trở một chiều của ruột dẫn ở 20°C <i>DC resistance of the conductor at 20 °C</i>	Ω/km		≤ 0,1182	0,1175
2	Chiều dày của lớp bán dẫn trong <i>Thickness of conductor screen</i>		- nt -		
3	• Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm		--	0,30
	Chiều dày của lớp cách điện XLPE <i>Thickness of XLPE insulation</i>				
	• Giá trị nhỏ nhất/ <i>Minimum value</i>			--	4,37
4	• Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm		--	4,55
	Chiều dày của lớp vỏ bọc ngoài HDPE <i>Thickness of HDPE oversheath</i>				
	• Giá trị nhỏ nhất/ <i>Minimum value</i>			--	1,89
5	• Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm		--	2,03
	Đường kính ngoài của cáp <i>Overall diameter of the cable</i>			--	35,4
6	Độ bền điện áp tần số công nghiệp 40kV/1min <i>AC voltage test for 40kV/1min</i>		- nt -	Không bị đánh thủng <i>No breakdown</i>	Đạt <i>Pass</i>
7	Thử xung điện áp tiêu chuẩn 1,2/50μs ở 95kV <i>1.2/50μs impulse test at 95kV</i>				
	• 10 xung dương/ <i>10 positive impulses</i>			Không bị hư hỏng <i>Without failure</i>	Đạt <i>Pass</i>

Số/No: 20 / 1151 / TN2 - 08

Trang/Page: 4 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
	• 10 xung âm/ 10 negative impulses			Không bị hư hỏng Without failure	Đạt Pass
8	Suất kéo đứt của cách điện trước lão hoá Tensile strength of insulation without ageing	N/mm ²	- nt -	≥ 12,5	17,4
9	Độ dẫn dài tương đối của cách điện trước lão hoá Elongation at break of insulation without ageing	%	- nt -	≥ 200	656,6
10	Suất kéo đứt của vỏ bọc ngoài trước lão hoá Tensile strength of oversheath without ageing	N/mm ²	- nt -	≥ 12,5	24,1
11	Độ dẫn dài tương đối của vỏ bọc ngoài trước lão hoá Elongation at break of oversheath without ageing	%	- nt -	≥ 300	995,6
12	Thử lão hoá cho cách điện ở 135°C trong 168h Ageing test on insulation at 135°C in 168h		- nt -		
	• Độ biến đổi của suất kéo đứt so với trước lão hoá/ Variation of tensile strength	%		± 25	+1,7
	• Độ biến đổi của độ dẫn dài tương đối so với trước lão hoá/ Variation of elongation at break	%		± 25	-11,6
13	Thử lão hoá cho vỏ bọc ngoài ở 110°C trong 240h Ageing test on oversheath at 110°C in 240h		- nt -		
	• Suất kéo đứt/ Tensile strength	N/mm ²		--	23,0
	• Độ dẫn dài tương đối/ Elongation at break	%		≥ 300	895,1
14	Thử lão hoá cho mẫu cáp hoàn chỉnh ở 100°C trong 168h/ Ageing test on piece completed cable at 100°C in 168h		- nt -		
14.1	Độ biến đổi của suất kéo đứt cách điện so với trước lão hoá Variation of tensile strength of insulation	%		± 25	-13,2
14.2	Độ biến đổi của độ dẫn dài tương đối cách điện so với trước lão hoá Variation of elongation at break of insulation	%		± 25	-14,5

Số/No: 20 / 1151 / TN2 - 08

Trang/Page: 5 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
14.3	Suất kéo đứt của vỏ bọc ngoài <i>Tensile strength of oversheath</i>	N/mm ²		--	25,8
14.4	Độ giãn dài tương đối của vỏ bọc ngoài <i>Elongation at break of oversheath</i>	%		≥ 300	883,4
15	Độ co ngót/ <i>Shrinkage test</i>		- nt -		
	• Cách điện/ <i>On insulation</i>	%		≤ 4,0	2,1
	• Vỏ bọc/ <i>On oversheath</i>	%		≤ 3,0	1,0
16	Thử hot set cho cách điện <i>Hot set test on insulation</i>		- nt -		
	• Độ giãn dài khi có tải <i>Elongation under load</i>	%		≤ 175	95
	• Độ giãn dài dư sau khi làm nguội <i>Permanent elongation after cooling</i>	%		≤ 15	6,7
17	Độ ngấm nước của cách điện <i>Water absorption of insulation</i>	mg/cm ²	- nt -	≤ 1,0	0,07
18	Thử nén ở nhiệt độ cao cho vỏ bọc ngoài <i>Pressure test at high temperature on oversheath</i>		- nt -		
	• Độ sâu vết lõm/ <i>The indentation value</i>	%		≤ 50	1,5
19	Hàm lượng carbon của vỏ bọc ngoài <i>Carbon black content of oversheath</i>	%	- nt -	2,5 ± 0,5	2,47

Hình ảnh/ Picture:



Số/No: 20 / 5073 / TN2 - 03.....

Trang/Page: 1 / 5...

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử:** Cáp điện Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x95+1x50 mm² – 0,6/1kV
Sample: Electric cable Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x95+1x50 sqmm – 0.6/1kV
- Khách hàng:** Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân
Customer:
- Số lượng mẫu:** 01
Quantity:
- Nhãn hiệu:** VAN XUAN CABLE
Trademark:
- Tình trạng mẫu:** Mới, chưa qua sử dụng
Sample observation: New, unused
- Ngày nhận mẫu:** 28 / 10 / 2020
Reception date:
- Ngày thử nghiệm:** 29 / 10 / 2020 ÷ 19 / 11 / 2020
Test duration:
- Phương pháp thử:** TCVN 5935-1:2013; TCVN 6614; TCVN 6612:2007
Test methods:

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG
Chief of Electric, Electronic & Energy efficiency Testing Lab

Đặng Thanh Tùng

Hanoi, date of 19 / 11 / 2020

GIÁM ĐỐC
Director

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....20 / 5073 / TN2 - 03.....

Trang/Page:.....2 / 5.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
1	Chiều dày của lớp vỏ bọc ngoài PVC <i>Thickness of PVC oversheath</i>		TCVN 5935-1:2013		
	• Giá trị nhỏ nhất/ <i>Minimum value</i>	mm	TCVN 6614	≥ 1,48	2,01
	• Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm		--	2,20
2	Kích thước của lớp áo giáp (2 băng thép) <i>Dimension of armour layer (2 steel tapes)</i>		- nt -		
	• Chiều dày trung bình/ <i>Average thickness</i>	mm		≥ 0,45	0,50
3	Chiều dày của lớp cách điện XLPE <i>Thickness of XLPE insulation</i>		- nt -		
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>				
	▪ Giá trị nhỏ nhất/ <i>Minimum value</i>	mm		≥ 0,89	1,04
	▪ Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm		≥ 1,1	1,13
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>				
	▪ Giá trị nhỏ nhất/ <i>Minimum value</i>	mm		≥ 0,80	0,97
	▪ Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm		≥ 1,0	1,06
4	Điện trở suất khối của cách điện ở 20°C <i>Volume resistivity of insulation at 20 °C</i>	Ω.cm	- nt -	--	2,7.10 ¹⁵
5	Độ bền điện áp tần số công nghiệp 3,5kV/5min <i>AC voltage test for 3.5kV/5min</i>		- nt -	Không bị đánh thủng <i>No breakdown</i>	Đạt <i>Pass</i>
6	Độ bền điện áp tần số công nghiệp 2,4kV/4h <i>AC voltage test for 2.4kV/4h</i>		- nt -	Không bị đánh thủng <i>No breakdown</i>	Đạt <i>Pass</i>
7	Điện trở suất khối của cách điện ở 90°C <i>Volume resistivity of insulation at 90 °C</i>	Ω.cm	- nt -	≥ 10 ¹²	5,5.10 ¹⁴
8	Suất kéo đứt của cách điện trước lão hoá <i>Tensile strength of insulation without ageing</i>	N/mm ²	- nt -	≥ 12,5	16,7

Số/No: 20 / 5073 / TN2 - 03

Trang/Page: 3 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
9	Độ dẫn dài tương đối của cách điện trước lão hoá <i>Elongation at break of insulation without ageing</i>	%	- nt -	≥ 200	670,1
10	Suất kéo đứt của vỏ bọc ngoài trước lão hoá <i>Tensile strength of oversheath without ageing</i>	N/mm ²	- nt -	$\geq 12,5$	15,8
11	Độ dẫn dài tương đối của vỏ bọc ngoài trước lão hoá <i>Elongation at break of oversheath without ageing</i>	%	- nt -	≥ 150	270,0
12	Thử lão hoá cho cách điện ở 135°C trong 168h <i>Ageing test on insulation at 135°C in 168h</i>		- nt -		
	• Độ biến đổi của suất kéo đứt so với trước lão hoá/ <i>Variation of tensile strength</i>	%		± 25	-6,0
	• Độ biến đổi của độ dẫn dài tương đối so với trước lão hoá/ <i>Variation of elongation at break</i>	%		± 25	-11,2
13	Thử lão hoá cho vỏ bọc ngoài ở 100°C trong 168h <i>Ageing test on oversheath at 100°C in 168h</i>		- nt -		
13.1	Suất kéo đứt/ <i>Tensile strength</i>	N/mm ²		$\geq 12,5$	14,5
	• Độ biến đổi so với trước lão hoá/ <i>Variation</i>	%		± 25	-8,2
13.2	Độ dẫn dài tương đối/ <i>Elongation at break</i>	%		≥ 150	237,8
	• Độ biến đổi so với trước lão hoá/ <i>Variation</i>	%		± 25	-11,9
14	Thử lão hoá cho mẫu cáp hoàn chỉnh ở 100°C trong 168h/ <i>Ageing test on piece completed cable at 100°C in 168h</i>		- nt -		
14.1	Độ biến đổi của suất kéo đứt cách điện so với trước lão hoá <i>Variation of tensile strength of insulation</i>	%		± 25	-10,8
14.2	Độ biến đổi của độ dẫn dài tương đối cách điện so với trước lão hoá <i>Variation of elongation at break of insulation</i>	%		± 25	-16,2
14.3	Suất kéo đứt của vỏ bọc ngoài <i>Tensile strength of oversheath</i>	N/mm ²		$\geq 12,5$	14,5

Số/No:.....20 / 5073 / TN2 - 03.....

Trang/Page:.....4 / 5.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
14.4	Độ biến đổi so với trước lão hoá/ <i>Variation</i> Độ dẫn dài tương đối của vỏ bọc ngoài <i>Elongation at break of oversheath</i>	%		± 25	-8,2
15	Độ biến đổi so với trước lão hoá/ <i>Variation</i> Độ co ngót của cách điện <i>Shrinkage test on insulation</i>	%	- nt -	± 25	-1,2
16	Thử hot set cho cách điện <i>Hot set test on insulation</i>	%	- nt -	≤ 4,0	2,3
17	- Độ dẫn dài khi có tải <i>Elongation under load</i> - Độ dẫn dài dư sau khi làm nguội <i>Permanent elongation after cooling</i> Độ ngấm nước của cách điện <i>Water absorption of insulation</i>	%		≤ 175	75
18	Thử sốc nhiệt cho vỏ bọc ngoài <i>Heat shock test on oversheath</i>	%	- nt -	≤ 15	6,2
19	Thử nén ở nhiệt độ cao cho vỏ bọc ngoài <i>Pressure test at high temperature on oversheath</i>	mg/cm ²	- nt -	≤ 1,0	0,06
20	Độ sâu vết lõm/ <i>The indentation value</i> Tổn hao khối lượng của vỏ bọc ngoài <i>Loss of mass of oversheath</i>	%	- nt -	Không nứt <i>No cracking</i>	Đạt <i>Pass</i>
21	Thử nghiệm ở nhiệt độ thấp đối với vỏ bọc ngoài <i>Behaviour at low temperature on oversheath</i>	%	- nt -		
21.1	Thử nghiệm dẫn dài/ <i>Cold elongation test</i>				
21.2	Độ dẫn dài tương đối <i>Elongation at break</i> Thử nghiệm va đập <i>Cold impact test</i>	%		≥ 20	Đạt <i>Pass</i>
				Không nứt <i>No cracking</i>	Đạt <i>Pass</i>

Số/No:.....20 / 5073 / TN2 - 03.....

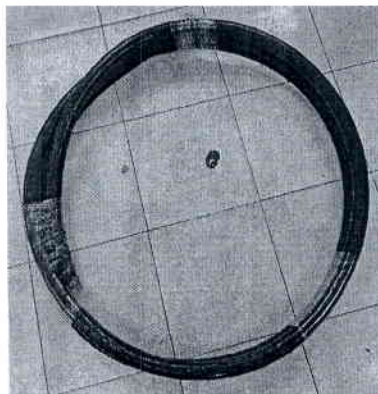
Trang/Page:.....5 / 5.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
22	Ruột dẫn/ <i>The conductor</i>		TCVN		
22.1	Cấp của ruột dẫn/ <i>Class of the conductor</i>		6612:2007		
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>			1, 2 hoặc/or 5	2
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>			1, 2 hoặc/or 5	2
22.2	Hình dạng của ruột dẫn/ <i>Shape of the conductor</i>			--	Bện tròn có nén
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>			--	<i>Circular compacted</i>
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>				
22.3	Số sợi đồng/ <i>Number of copper wires</i>				
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>			≥ 15	19
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>			≥ 6	7
22.4	Đường kính của ruột dẫn <i>Diameter of the conductor</i>				
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>	mm		11,0 ÷ 12,0	11,56
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>	mm		7,7 ÷ 8,6	8,31
22.5	Điện trở một chiều của ruột dẫn ở 20°C <i>DC resistance of the conductor at 20 °C</i>				
	• Dây pha/ <i>Phase core</i>	Ω/km		≤ 0,193	0,190
	• Dây trung tính/ <i>Neutral core</i>	Ω/km		≤ 0,387	0,382

Hình ảnh/ Picture:



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

(Kết quả thử nghiệm điển hình/ Type test result)

- Tên mẫu thử:** Cấp điện Cu/XLPE/PVC 1x240 mm² – 0,6/1kV
Sample: Electric cable Cu/XLPE/PVC 1x240 sqmm – 0.6/1kV
- Khách hàng:** Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân
Customer:
- Số lượng mẫu:** 01
Quantity:
- Nhãn hiệu:** AUGUST STAR CABLE
Trademark:
- Tình trạng mẫu:** Mới, chưa qua sử dụng
Sample observation: New, unused
- Ngày nhận mẫu:** 14 / 04 / 2021
Reception date:
- Ngày thử nghiệm:** 15 / 04 / 2021 ÷ 27 / 05 / 2021
Test duration:
- Phương pháp thử:** TCVN 5935-1:2013; TCVN 6614; TCVN 6612:2007
Test methods:

Hanoi, date of 27 / 05 / 2021

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
 ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG
 Chief of Electric, Electronic & Energy efficiency Testing Lab

GIÁM ĐỐC
 Director

Đặng Thanh Tùng

Kim Đức Thu

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 21 / 1394 / TN2 - 02

Trang/Page: 2 / 4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
1	Các phép thử điện/ Electrical tests		TCVN		
1.1	Điện trở suất khối của cách điện ở 20°C <i>Volume resistivity of insulation at 20 °C</i>	Ω.cm	5935-1:2013 TCVN 6614	--	7,3.10 ¹⁵
1.2	Độ bền điện áp tần số công nghiệp 2,4kV/4h <i>AC voltage test for 2.4kV/4h</i>			Không bị đánh thủng <i>No breakdown</i>	Đạt <i>Pass</i>
1.3	Điện trở suất khối của cách điện ở 90°C <i>Volume resistivity of insulation at 90 °C</i>	Ω.cm		≥ 10 ¹²	2,3.10 ¹⁴
2	Ruột dẫn/ The conductor				
2.1	Cấp của ruột dẫn/ <i>Class of the conductor</i>		TCVN	1, 2 hoặc/or 5	2
2.2	Hình dạng của ruột dẫn <i>Shape of the conductor</i>		6612:2007	--	Bện tròn có nén <i>Circular compacted</i>
2.3	Số sợi đồng/ <i>Number of copper wires</i>			≥ 34	37
2.4	Đường kính của ruột dẫn <i>Diameter of the conductor</i>	mm		17,6 ÷ 19,2	18,63
2.5	Điện trở một chiều của ruột dẫn ở 20°C <i>DC resistance of the conductor at 20 °C</i>	Ω/km		≤ 0,0754	0,0728
3	Lớp cách điện XLPE/ XLPE insulation		- nt -		
3.1	Chiều dày/ <i>Thickness</i>				
	• Giá trị nhỏ nhất/ <i>Minimum value</i>	mm		≥ 1,43	1,65
	• Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm		≥ 1,7	1,79
3.2	Tính chất cơ/ <i>Mechanical properties</i>				
3.2.1	Trước lão hoá/ <i>Before ageing</i>				
	• Suất kéo đứt/ <i>Tensile strength</i>	N/mm ²		≥ 12,5	16,1
	• Độ giãn dài tương đối/ <i>Elongation at break</i>	%		≥ 200	604,8
3.2.2	Sau khi lão hoá trong lò không khí ở (135±3)°C trong 168h <i>After ageing in air oven at (135±3) °C in 168h</i>				
	• Độ biến đổi của suất kéo đứt so với trước lão hoá/ <i>Variation of tensile strength</i>	%		± 25	+3,1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
	• Độ biến đổi của độ dẫn dài tương đối so với trước lão hoá/ <i>Variation of elongation at break</i>	%		± 25	-3,8
3.3	Độ co ngót/ <i>Shrinkage test</i>	%		$\leq 4,0$	1,1
3.4	Thử hot set/ <i>Hot set test</i>				
	• Độ dẫn dài khi có tải <i>Elongation under load</i>	%		≤ 175	80
	• Độ dẫn dài dư sau khi làm nguội <i>Permanent elongation after cooling</i>	%		≤ 15	4,3
3.5	Độ ngấm nước/ <i>Water absorption</i>	mg/cm ²		$\leq 1,0$	0,04
4	Lớp vỏ bọc ngoài PVC/ <i>PVC oversheath</i>		- nt -		
4.1	Chiều dày/ <i>Thickness</i>				
	• Giá trị nhỏ nhất/ <i>Minimum value</i>	mm		$\geq 1,16$	1,62
	• Giá trị trung bình/ <i>Average value</i>	mm		--	1,77
4.2	Tính chất cơ/ <i>Mechanical properties</i>				
4.2.1	Trước lão hoá/ <i>Before ageing</i>				
	• Suất kéo đứt/ <i>Tensile strength</i>	N/mm ²		$\geq 12,5$	15,9
	• Độ dẫn dài tương đối/ <i>Elongation at break</i>	%		≥ 150	268,8
4.2.2	Sau khi lão hoá trong lò không khí ở $(100\pm 2)^{\circ}\text{C}$ trong 168h <i>After ageing in air oven at $(100\pm 2)^{\circ}\text{C}$ in 168h</i>				
	• Suất kéo đứt/ <i>Tensile strength</i>	N/mm ²		$\geq 12,5$	14,3
	▪ Độ biến đổi so với trước lão hoá/ <i>Variation</i>	%		± 25	-10,1
	• Độ dẫn dài tương đối/ <i>Elongation at break</i>	%		≥ 150	272,0
	▪ Độ biến đổi so với trước lão hoá/ <i>Variation</i>	%		± 25	+1,2
4.3	Thử sốc nhiệt/ <i>Heat shock test</i>			Không nứt <i>No cracking</i>	Đạt <i>Pass</i>
4.4	Thử nén ở nhiệt độ cao <i>Pressure test at high temperature</i>				
	• Độ sâu vết lõm/ <i>The indentation value</i>	%		≤ 50	23,7
4.5	Tổn hao khối lượng/ <i>Loss of mass</i>	mg/cm ²		$\leq 1,5$	1,2
4.6	Thử ở nhiệt độ thấp/ <i>Behaviour at low temperature</i>				

Số/No: 21.../1394 / TN2 - 02.....

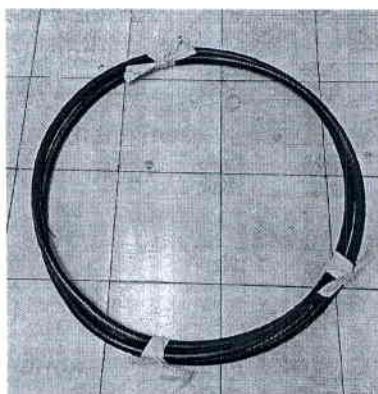
Trang/Page: 4 / 4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức qui định Standard level	Kết quả Results
4.6.1	Thử độ giãn dài/ <i>Cold elongation test</i> • Độ giãn dài tương đối/ <i>Elongation at break</i>	%		≥ 20	Đạt <i>Pass</i>
4.6.2	Thử va đập/ <i>Cold impact test</i>			Không nứt <i>No cracking</i>	Đạt <i>Pass</i>
5	Cáp hoàn chỉnh/ <i>Completed cable</i>		- nt -		
5.1	Đường kính ngoài/ <i>Overall diameter</i>	mm		--	25,9
5.2	Sau khi lão hoá cho mẫu cáp hoàn chỉnh trong lò không khí ở $(100 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ trong 168h <i>After ageing the piece completed cable in air oven at $(100 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ in 168h</i>				
5.2.1	Độ biến đổi của suất kéo đứt cách điện so với trước lão hoá/ <i>Variation of tensile strength of insulation</i>	%		± 25	-9,9
5.2.2	Độ biến đổi của độ giãn dài tương đối cách điện so với trước lão hoá/ <i>Variation of elongation at break of insulation</i>	%		± 25	-2,6
5.2.3	Suất kéo đứt của vỏ bọc ngoài <i>Tensile strength of oversheath</i>	N/mm ²		$\geq 12,5$	15,1
	• Độ biến đổi so với trước lão hoá/ <i>Variation</i>	%		± 25	-5,0
5.2.4	Độ giãn dài tương đối của vỏ bọc ngoài <i>Elongation at break of oversheath</i>	%		≥ 150	239,5
	• Độ biến đổi so với trước lão hoá/ <i>Variation</i>	%		± 25	-10,9

Hình ảnh/ Picture:





CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xã - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

HỢP ĐỒNG ĐÃ THỰC HIỆN





CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN

Đ/c: Lai Xá - Kim Chung - Hoài Đức- Hà Nội

VPGD: Số 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

ĐT : 024.3848 9055 - Fax : 024.3848 9056

Email: vanxuancable@yahoo.com.vn - website: vanxuancable.com.vn



BÁO CÁO KINH NGHIỆM SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Danh mục hợp đồng cung cấp dây cáp điện

Stt	Tên hợp đồng	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Giá hợp đồng (hoặc giá trị được giao thực hiện)	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1	Hợp đồng 1302S006/EVN CPC – VX và Bổ sung hợp đồng số 01 hợp đồng 1302S006/EVN CPC – VX	Mua sắm VTTB phục vụ lắp đặt công tơ, tiếp nhận lưới điện hạ áp nông thôn, sửa chữa thường xuyên và dự phòng sản xuất 6 tháng đầu năm 2013	Tổng Công ty Điện lực miền Trung	5,938,611,138	19-2-2013	18-7-2013
2	Hợp đồng 902HĐ-ĐNOPC- VX	Gói thầu số 02/HH: Cung cấp dây cáp điện các loại thuộc Công trình: Thay thế hệ thống đo đếm và sửa chữa tối thiểu lưới điện hạ áp nông thôn sau tiếp nhận năm 2013	Công ty Điện lực Đắk Nông	1,437,117,561	24-9-2013	13-10-2013
3	Hợp đồng 519/HĐKT-TTHPC-VT	Cung cấp “Cáp trung, hạ thế các loại”, Dự án mua sắm VTTB phục vụ SCL bổ xung năm 2013	Công ty Điện lực Thừa Thiên Huế	2,110,810,460	4-10-2013	18-10-2013
4	Hợp đồng 253/HĐMB-QTPC-VX	Gói thầu số 2: Cung cấp Cáp hạ thế các loại phục vụ công trình Khắc phục thiệt hại lưới điện do hai cơn bão số 10 và 11 gây ra năm 2013	Công ty Điện lực Quảng Trị	1,424,172,357	18-11-2013	4-12-2013
5	Hợp đồng 3645/HĐKT-QBPC-VX	Gói thầu số 46: Cung cấp Cáp hạ thế các loại phục vụ công trình Khắc phục thiệt hại lưới điện do hai cơn bão số 8, 10 và 11 gây ra năm 2013	Công ty Điện lực Quảng Bình	1,819,510,220	12-12-2013	21-12-2013
6	Hợp đồng 97/HĐKT-TTHPC- VT	Gói thầu số 01: Cung cấp dây cáp điện các loại. Dự án: Mua sắm VTTB phục vụ ĐTXD năm 2015	Công ty Điện lực Thừa Thiên Huế	4,849,615,877	29-1-2015	8-3-2015

7	Hợp đồng 09/HĐKT	Gói thầu: Mua sắm cáp vận xoắn phục vụ SCTX quý I năm 2015	Công ty Điện lực Thái Bình	2,335,158,980	25-2-2015	25-3-2015
8	Hợp đồng 23/2015/PCBN-VX	Gói thầu số 2: Mua dây và cáp điện phục vụ phương án quý 2 năm 2015	Công ty Điện lực Bắc Ninh	3,271,648,288	18-5-2015	30-5-2015
9	Hợp đồng 1811/HĐKT	Gói thầu số 01: Mua sắm bổ sung cáp vận xoắn đợt 2 phục vụ SCTX cải tạo sau tiếp nhận LĐHANT năm 2015	Công ty Điện lực Thái Bình	2,150,584,635	18-11-2015	20-12-2015
10	Hợp đồng số 244/HĐ-PCHP	Gói 2: Cung cấp cáp điện các loại. Dự án: Mua VTTB phục vụ thay tháo định kỳ, dịch vụ khách hàng và sửa chữa thường xuyên quý I năm 2016	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	2,681,880,487	1-3-2016	31-3-2016
11	Hợp đồng 10/HĐKT-PCTB-VX	Gói thầu: Mua sắm cáp vận xoắn phục vụ SCTX quý II năm 2016.	Công ty Điện lực Thái Bình	5,073,370,280	9-5-2016	30-6-2016
12	Hợp đồng số 1784/HĐ-PCHP	Gói 2: Cung cấp cáp hạ thế các loại. Dự án: Mua VTTB phục vụ thay tháo định kỳ, dịch vụ khách hàng và sửa chữa thường xuyên quý IV năm 2016	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	2,982,348,600	30-11-2016	30-12-2016
13	Hợp đồng số 05/HĐ-PCTT-KH	Gói thầu: Mua dây và cáp điện phục vụ ĐTXD năm 2017	Công ty Điện lực Thường Tín	4,650,098,152	19-1-2017	19-2-2017
14	Hợp đồng số 03/2016/HĐKT/PCNA-VX	Gói thầu số 06: Mua sắm dây cáp điện các loại	Công ty Điện lực Nghệ An	3,560,260,000	14-1-2017	10-2-2017
15	Hợp đồng 258/2017/PCBN-LD VX,TT	Gói thầu số 3: Mua dây cáp nhôm phục vụ phương án sửa chữa lớn năm 2017	Công ty Điện lực Bắc Ninh	2,339,065,905	14-2-2017	25-3-2017
16	Hợp đồng 80/2017/HĐKT-PCHT và phụ lục bổ sung số 01	Gói thầu: Mua sắm dây dẫn. Công trình: Chống quá tải lưới điện mùa nắng nóng năm 2017	Công ty Điện lực Hà Tĩnh	8,806,714,532	20-4-2017	20-5-2017
17	Hợp đồng số 01/HĐMS- PCLK-VAXUCO	Gói thầu: Mua sắm dây cáp điện thuộc các dự án huyện Bảo Thắng	Công ty Điện lực Lào Cai	5,357,079,134	12-5-2017	15-6-2017
18	Hợp đồng số 02/HĐMS- PCLK-VAXUCO	Gói thầu: Mua sắm dây cáp điện thuộc các dự án huyện Văn Bàn	Công ty Điện lực Lào Cai	6,161,288,562	12-5-2017	15-6-2017
19	Hợp đồng số 25/2017/HĐKT-PCHT-VX và phụ lục số 25a	Gói thầu: Mua sắm các loại cáp điện. Dự án Các Công trình SCL đợt II năm 2017	Công ty Điện lực Hà Tĩnh	5,650,759,576	19-5-2017	19-6-2017

20	Hợp đồng số 542/HĐ-PCHP	Gói 2: Cung cấp cáp hạ thế các loại (lần 2)	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	5,108,235,000	15-6-2017	15-7-2017
21	Hợp đồng số 557/HĐ-PCHP	Gói 12: Cung cấp cáp hạ thế. Dự án: Khu vực ngoại thành Hải Phòng	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng	3,270,207,600	23-6-2017	23-7-2017
22	Hợp đồng số 513/2017-HĐKT-PCNA-P2	Gói thầu: Mua sắm cáp ngầm và dây dẫn đợt 4 năm 2017	Công ty Điện lực Nghệ An	7,575,998,650	30-6-2017	15-7-2017
23	Hợp đồng số 146/HĐ.PC BADINH-VX-DHM-TA	Gói thầu: Mua vật tư thiết bị điện cho công trình cải tạo đường dây hạ áp và đường dây viễn thông tuyến phố đội cần 2 - phần điện	Công ty Điện lực Ba Đình	5,513,062,610	28-7-2017	7-8-2017
24	Số 07/2018/HĐKT-P2	Mua sắm vật tư phục vụ các công trình SCL đợt I năm 2018	Công ty Điện lực Hà Tĩnh	8,550,613,588	16-3-2018	15-4-2018
25	Số 16-2018/PCTH- VX	Mua sắm dây cáp cho SCL đợt 1 năm 2018	Công ty Điện lực Thanh Hóa	1,935,078,530	8-3-2018	7-4-2018
26	Số 1802S115 - 017/CPC-VX+HQ	Mua sắm tập trung dây cáp điện phục vụ SXKD và ĐTXD năm 2018	Tổng công ty điện lực miền Trung	10,169,859,480	12-2-2018	14-3-2018
27	Số 12/HĐMB/PCYB-LDVX-SĐ	Sửa chữa lớn đường dây 0,4kV thuộc các TBA Khu vực Huyện Văn Yên năm 2018	Công ty Điện lực Yên Bái	1,262,185,400	30-1-2018	15-2-2018
28	Số 2018/0301/HĐKT-PCTB-VX	Mua sắm vật tư phục vụ các công trình SCL đợt I năm 2018	Công ty Điện lực Thái Bình	4,608,082,270	5-1-2018	4-2-2018
29	Số 74/MSDT/VX-TT-PT-BG	Mua sắm dây dẫn - Công trình Xây dựng các xuất tuyến 22kV, 35kV sau TBA 110kV Cầu Gò	Công ty Điện lực Bắc Giang	3,972,556,940	25-4-2018	25-5-2018
30	Số 15/HĐMS/PCLK-VX	Mua sắm vật tư phục vụ SCL khu vực Huyện Mường Khương	Công ty điện lực Lào Cai	1,831,487,062	9-5-2018	30-5-2018
31	Số 0805/PCTB-HĐHH-VX-VINA	Mua sắm vật tư phục vụ SXKD	Công ty Điện lực Thái Bình	2,259,849,200	8-5-2018	7-6-2018
32	Số 56/2018/HĐMB	Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ công tác SCL năm 2018 (11 danh mục đợt 4)	Công ty Điện lực Cao Bằng	3,943,282,420	7-5-2018	6-7-2018
33	Số 72/2018-HĐKT-PCNA-P2	Mua sắm vật tư phục vụ sản xuất quý 2 năm 2018	Công ty Điện lực Nghệ An	2,846,700,000	5-5-2018	4-6-2018
34	Số 92/2018/HĐMB	Mua sắm VTTB A Cấp cho 11 danh mục SCL Đợt 5 Năm 2018	Công ty Điện lực Cao Bằng	3,710,264,800	18-6-2018	29-6-2018

35	Hợp đồng Số: 18/2018/HĐKT-P2	Gói thầu: "Mua sắm dây dẫn, thiết bị đóng cắt và các loại phụ kiện phục vụ SCL đợt III năm 2018"	Công ty Điện lực Đà Nẵng	1,886,885,000	5-7-2018	20-7-2018
36	Hợp đồng Số: 119/2018/HĐKT-P2	Gói thầu: "Mua sắm dây dẫn cáp điện trung thế, hạ thế các loại"	Công ty Điện lực Nghệ An	2,070,200,000	10-7-2018	23-7-2018
37	Hợp đồng Số: 36/2018/HĐ.PC BADINH-VP-VX	Gói thầu 09: "Mua VTTB điện phục vụ CT cải tạo hệ thống điện hạ thế phố Phan Đình Phùng"	Công ty Điện lực Ba Đình	2,050,816,680	12-7-2018	22-7-2018
38	Hợp đồng Số: 177/PCTB-HĐHH-VX-HTH	Gói thầu: "Mua sắm cáp điện, phụ kiện"	Công ty Điện lực Thái Bình	3,965,512,760	17-7-2018	6-8-2018
39	Hợp đồng Số: 26/2018/HĐKT- P2	Gói thầu: "Mua sắm các loại dây dẫn và các loại phụ kiện "	Công ty Điện lực Hà Tĩnh	2,457,674,747	27-8-2018	21-9-2018
40	Hợp đồng Số: 152/2018/HĐKT-P2	Gói thầu: "Mua sắm dây dẫn cáp điện trung thế, hạ thế các loại"	Công ty Điện lực Nghệ An	7,583,343,108	7-9-2018	2-10-2018
41	Hợp đồng Số: 29/2018/HĐKT-P2	Gói thầu: "Mua sắm các loại dây dẫn"	Công ty Điện lực Hà Tĩnh	6,020,936,020	4-10-2018	29-10-2018
42	Hợp đồng Số: 112/2018/HĐMS/PCBN	Gói thầu 3: "Mua sắm dây dẫn, thiết bị đóng cắt và phụ kiện "	Công ty Điện lực Bắc Ninh	10,724,833,973	22-10-2018	21-11-2018
43	Hợp đồng Số: 231/HĐMS-PCTN	Gói thầu 3a: Mua sắm tập trung cáp điện và dây dẫn	Công ty Điện lực Thái Nguyên	6,987,165,147	22-11-2018	22-12-2018
44	Hợp đồng số 11/2019/HĐKT-PCNA-P2	Gói thầu: Mua sắm dây dẫn trung, hạ thế các loại thuộc hạng mục: mua sắm vật tư phục vụ sản xuất Q1/2019	Công ty Điện lực Nghệ An	3,849,890,000	2-1-2019	22-1-2019
45	Hợp đồng số: 04/2019/HĐKT- P2 và phụ lục	Gói thầu: Cung cấp cáp hạ thế	Công ty Điện lực Hà Tĩnh	6,780,687,650	22-2-2019	19-3-2019
46	Hợp đồng số: 2702/PCTB-HĐHH-VX	Gói thầu: Mua sắm cáp điện phụ kiện phục vụ các công trình SCL đợt 1/2019	Công ty Điện lực Thái Bình	6,354,157,700	27-2-2019	24-3-2019
47	Hợp đồng số: 44/2019/HĐMB	Gói thầu: Mua sắm dây dẫn trung hạ áp đợt 1 huyện hòa an và TP Cao Bằng	Công ty Điện lực Cao Bằng	3,520,441,100	27-2-2019	29-3-2019
48	Hợp đồng số: 65/19/MSTD/VX-TT-BG	Gói thầu số 1: Mua sắm dây dẫn	Công ty Điện lực Bắc Giang	3,579,551,250	4-3-2019	24-3-2019
49	Hợp đồng số: 41/2019/HĐMS/PCBN	Gói thầu số 3-T1-2019 : Mua sắm dây dẫn, thiết bị đóng cắt và phụ kiện	Công ty Điện lực Bắc Ninh	7,544,361,396	12-3-2019	27-3-2019
50	Hợp đồng số 19.3.2019/PCTB-HĐHH-VX-YV-TA	Gói thầu: Mua sắm dây dẫn, phụ kiện phục vụ công trình ĐTXD đợt 1-2019	Công ty Điện lực Thái Bình	7,052,043,570	19-3-2019	4-4-2019

51	Hợp đồng số 222/HĐMS/PCNA	Gói thầu: Mua sắm dây dẫn	Công ty Điện lực Nghệ An	7,202,730,920	12-9-2019	12-10-2019
52	Hợp đồng số: 204/2019/HĐMSHH/NPSC- ACIT-VANXUAN	Gói thầu: Cung cấp thiết bị, phụ kiện, cách điện	Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Bắc	14,393,948,504	2-10-2019	1-12-2019
53	Hợp đồng số 02.10.2019/PCTB-HĐHH-VX	Gói thầu: Mua sắm dây dẫn, phụ kiện phục vụ công trình ĐTXD đợt 1-2019	Công ty Điện lực Thái Bình	7,132,522,870	2-10-2019	16-11-2019
54	Hợp đồng số 285/MSVT/VX-BG	Gói thầu 09.01: Mua sắm dây và cáp điện các loại quý 4 năm 2019	Công ty Điện lực Bắc Giang	6,560,801,995	7-10-2019	5-1-2020
55	Hợp đồng số 116/2019/HĐMS/PCLK-LD VX & GLOTEK	Gói thầu: Mua sắm dây dẫn, thiết bị và phụ kiện thuộc 08 dự án đầu tư xây dựng năm 2019 của Công ty Điện lực Lào Cai	Công ty Điện lực Lào Cai	6,966,713,600	28-11-2019	27-1-2020
56	Hợp đồng số 06.12.2019/PCTB-HĐHH-VX- POLIMER ALPHA	Gói thầu: Mua sắm cáp điện, phụ kiện phục vụ phương án chống quá tải Tết Nguyên Đán năm 2020	Công ty Điện lực Thái Bình	7,613,920,930	2-10-2019	1-11-2019
57	Hợp đồng số 81619/HĐMB/ ACIT-VX	Gói thầu: Cung cấp thiết bị, phụ kiện, cách điện	Công ty Cổ phần kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	8,994,764,658	5-10-2019	4-11-2019
58	Hợp đồng số 04/HĐMS- PCNĐ-BA	Gói thầu: "Mua sắm dây dẫn và VTTB"	Công ty Điện lực Nam Định	5,572,900,597	20-1-2020	5-3-2020
59	Hợp đồng số 26/2020/HĐMS/PCBN	Gói thầu số 2-T1-2020: Mua sắm dây dẫn và phụ kiện - Dự án: Đấu thầu tập trung các công trình đầu tư xây dựng năm 2020 (tháng 1)	Công ty Điện lực Bắc Ninh	7,852,756,230	21-1-2020	21-3-2020
60	Hợp đồng số 69/02/2020/HĐ/PCTH- VX&YV	Gói thầu: Mua sắm dây dẫn	Công ty Điện lực Thanh Hóa	6,259,469,477	17-2-2020	18-3-2020
61	Hợp đồng số 01/HĐMS/PCLK-LDVX	Gói thầu: Mua sắm dây dẫn, thiết bị và phụ kiện phục vụ SCL đợt 1 năm 2020	Công ty Điện lực Lào Cai	5,201,191,050	21-2-2020	6-4-2020
62	Hợp đồng số 52/2020/HĐMS- PCNA-BDA	Gói thầu: Mua sắm dây dẫn các loại (cho các công trình ĐTXD đợt 2 năm 2020)	Công ty Điện lực Nghệ An	5,865,705,019	27-2-2020	12-4-2020
63	Hợp đồng số 40- 2020/HĐCCHH-PCPT	Gói thầu CCDD01: Cung cấp dây dẫn, sứ, phụ kiện + thí nghiệm cho 05 công trình	Công ty Điện lực Phú Thọ	2,716,559,702	2-3-2020	1-4-2020

64	Hợp đồng số 52/2020/PCQN/HĐ-MSHH	Gói thầu: Mua sắm dây dẫn khu vực Hạ Long, Hoàn Bồ, Quảng Yên, Uông Bí, Đông Triều - Dự án: Công trình ĐTXD 2020 giao danh mục theo QĐ số 2652/QĐ - EVNNPC ngày 30/08/2019 - khu vực Hạ Long, Hoàn Bồ, Quảng Yên, Uông Bí, Đông Triều....	Công ty Điện lực Quảng Ninh	3,275,558,550	3-3-2020	2-5-2020
65	Hợp đồng số 33/2020/HĐ-PCSL	Gói thầu: Cung cấp, vận chuyển dây dẫn hạ thế các công trình SCL năm 2020	Công ty Điện lực Sơn La	4,198,728,996	6-3-2020	5-5-2020
66	Hợp đồng số 09/2020/PCBN-LD TA-TC-VX	Gói thầu số 23: Mua sắm vật tư, thiết bị và các phụ kiện phục vụ các danh mục SCL năm 2020 (giai đoạn 1)	Công ty Điện lực Bắc Ninh	9,033,238,390	10-3-2020	9-4-2020
67	Hợp đồng số 051/PCNB-HĐHH	Gói thầu NBPC/2020/ĐTXD/MSHH-02: "Mua sắm dây cáp điện"	Công ty Điện lực Ninh Bình	5,686,076,990	16-3-2020	15-4-2020
68	Hợp đồng số 18.2020/HĐMS/PCTB-VX	Gói thầu số 01: Mua sắm cáp điện, phụ kiện phục vụ các công trình SCL đợt I năm 2020 - Dự án: Mua sắm vật tư phục vụ các công trình SCL đợt I năm 2020	Công ty Điện lực Thái Bình	3,476,027,302	26-3-2020	10-5-2020
69	Hợp đồng số 55/2020/HĐKT-PCNA/ P2-VX	Gói thầu số 07: Mua sắm dây cáp điện trung hạ thế các loại - Hạng mục: Mua sắm vật tư phục vụ sản xuất quý 2 năm 2020	Công ty Điện lực Nghệ An	4,772,350,000	26-3-2020	10-4-2020
70	Hợp đồng số 10/HĐMS/PCLK-LD	Gói thầu: Mua sắm vật tư thiết bị và phụ kiện phục vụ SXKD, SCL năm 2020	Công ty Điện lực Lào Cai	8,413,227,240	17-4-2020	16-6-2020
71	Hợp đồng số 34/HĐMS- PCNĐ-BA	Gói thầu: "Mua sắm dây dẫn và vật tư thiết bị" Công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐZ 22kV lộ 475 E3.13 tạo mạch vòng lộ 471, 475 E3.13 và CQT các TBA Giao An xã Giao An - huyện Giao Thủy - tỉnh Nam Định	Công ty Điện lực Nam Định	2,567,362,644	15-4-2020	30-5-2020

72	Hợp đồng số 116/HĐ-NPSC- VX	Gói thầu số 04: Xây lắp TBA 110kV Đồi Cốc Dự án: Nâng công suất MBA T1, T2 trạm biến áp 110kV Đồi Cốc	Công ty Dịch vụ Điện lực miền Bắc	1,639,546,590	12-5-2020	26-6-2020
73	Hợp đồng số 157/2020/HĐMB	Gói thầu: Cung cấp vật tư thiết bị xây dựng, hoàn thiện xuất tuyến trung áp sau trạm 110kV Bảo Lâm tỉnh Cao Bằng	Công ty Điện lực Cao Bằng	2,027,668,500	16-6-2020	26-7-2020
74	Hợp đồng số 178/20/MS/DT/VX-TD-BG	Gói thầu số 2: Mua sắm vật tư thiết bị Công trình: Xây dựng các xuất tuyến 22kV và 35kV sau TBA 110kV Lục Ngạn	Công ty Điện lực Bắc Giang	3,697,869,241	12-8-2020	21-9-2020
75	Hợp đồng số 39/2020/PCTH/LD TOJI-VANXUAN	Gói thầu: Mua sắm các VTTB cho SCL đợt 3+4 năm 2020 (TH20-16) - Thuộc kế hoạch: Mua sắm VTTB cho công tác SCL năm 2020	Công ty Điện lực Thanh Hóa	2,883,740,970	12-10-2020	11-11-2020
76	Hợp đồng số 242/2020/HĐKT-P2	Gói thầu số 01: Mua sắm các loại dây dẫn và phụ kiện	Công ty Điện lực Hà Tĩnh	2,512,495,150	9-11-2020	14-12-2020
77	Hợp đồng số 112/HĐMS- PCND-BA	Gói thầu: Mua sắm dây dẫn và vật tư thiết bị Dự án: 1.Xây dựng các xuất tuyến 22kV lộ 471, 473, 479, 481 trạm 110kV Liễu Đề; 2.Xây dựng các xuất tuyến 22kV lộ 475, 477 trạm 110kV Liễu Đề	Công ty Điện lực Nam Định	4,058,833,284	18-11-2020	2-1-2021
78	Hợp đồng số 102/HĐMS/PCTB-VX-SD- TBD	Gói thầu: Mua sắm cáp điện, phụ kiện, cột điện bê tông ly tâm... phục vụ phương án SCTX quý IV năm 2020 Dự án: Mua sắm vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh	Công ty Điện lực Thái Bình	11,714,076,935	1-12-2020	15-1-2021
79	Hợp đồng số 476/PCHD-LD5	Gói thầu: Mua sắm vật tư thiết bị phục vụ SXKD lần 1 năm 2021	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	4,110,933,200	2-12-2020	30-6-2021

80	Hợp đồng số 332/2020/HĐMS BDAĐL - KHVT	Gói thầu số 05: Cung cấp dây dẫn các loại Dự án: Chống quá tải lưới điện khu vực nội thành, thành phố Hải Phòng - thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển chính sách cải cách ngành điện giai đoạn 3 (DPL3), vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB)	Ban quản lý dự án phát triển Điện lực	3,658,732,019	15-12-2020	15-3-2021
81	Hợp đồng số 01/2021/HĐMS/PCBN-BDA	Gói thầu số 5-T1-2021: Mua sắm vật tư thiết bị và phụ kiện Dự án: Đấu thầu tập trung các công trình đầu tư xây dựng năm 2021 (tháng 1)	Công ty Điện lực Bắc Ninh	13,833,579,903	4-1-2021	5-3-2021
82	Hợp đồng số 155/2021/HĐ-ALĐPP-TT-VX	Gói thầu số 36-2020: Cấp ngầm hạ thế các loại thuộc Kế hoạch VTTB cuối năm 2020-đầu năm 2021 (hiệu chỉnh đợt 5)	Ban quản lý lưới điện phân phối TP HCM	35,813,151,000	15-1-2021	15-1-2022
83	Hợp đồng số 05/2021/HĐKT-PCNA-P2	Gói thầu số 03: Mua sắm dây cáp điện, biến dòng các loại thuộc Hạng mục: Mua sắm vật tư phục vụ sản xuất quý I năm 2021	Công ty Điện lực Nghệ An	4,661,690,000	18-1-2021	7-2-2021
84	Hợp đồng số 03/HĐMS/PCLK-LD	Gói thầu: Mua sắm VTTB phục vụ SCL, PTKH quý I+II năm 2021	Công ty Điện lực Lào Cai	2,199,009,120	22-1-2021	21-7-2021
85	Hợp đồng số 25/MSVT/VX-DP-HTT- BG	Gói thầu 01.01: Mua sắm VTTB phục vụ SXKD quý 1 năm 2021	Công ty Điện lực Bắc Giang	3,229,746,300	2-2-2021	2-6-2021
86	Hợp đồng số 28/01/21/HĐ-MSVTPK	Gói thầu: Mua sắm vật tư phụ kiện Các Dự án: Chống quá tải các TBA và lưới điện hạ áp khu vực TP Thanh Hóa; Chống quá tải các TBA và lưới điện hạ áp khu vực Sầm Sơn, Quảng Xương; Chống quá tải các TBA và lưới điện hạ áp khu vực Thiệu Hóa, Yên Định; Chống quá tải các TBA và lưới điện hạ áp khu vực Như Thanh, Như Xuân	Công ty Điện lực Thanh Hóa	4,088,751,590	3-2-2021	5-3-2021

87	Hợp đồng số 26/2021/HĐMS/PCLK-VX	Gói thầu: Mua sắm cáp ngầm, dây dẫn, thiết bị và phụ kiện thuộc 05 dự án đầu tư xây dựng năm 2021 của Công ty Điện lực Lào Cai	Công ty Điện lực Lào Cai	16,425,947,813	22-2-2021	8-4-2021
88	Hợp đồng số 07/2021/HH/P2	Gói thầu: Mua sắm VTTB phục vụ công trình SCL năm 2021 (gói 2) - Dự án: Sửa chữa lớn năm 2021	Công ty Điện lực Thanh Trì	2,630,996,764	19-2-2021	5-4-2021
89	Hợp đồng 24/2021/HĐMS-PCNA-BDA	Gói thầu: Mua sắm thiết bị các loại đợt 3 năm 2021	Công ty Điện lực Nghệ An	4,599,874,499	1-3-2021	30-4-2021
90	Hợp đồng số 16/2021/PCBN-VẠN XUÂN	Gói thầu: Mua sắm VTTB phục vụ các danh mục SCL năm 2021 (giai đoạn 2) khu vực các huyện Tiên Du, Yên Phong, TX. Từ Sơn, TP. Bắc Ninh	Công ty Điện lực Bắc Ninh	10,652,346,782	29-3-2021	28-4-2021
91	Hợp đồng số 18/PC-PHU XUYEN	Gói thầu 15/2021-VTTB-SCL: "Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ sửa chữa lớn năm 2021"	Công ty Điện lực Phú Xuyên	1,305,882,490	6-4-2021	13-4-2021
92	Hợp đồng số 07/2021/PCTH/LD HL-VX- HTH	Gói thầu TH21-04: Mua sắm dây dẫn và phụ kiện cho cho SCL năm 2021 - Thuộc kế hoạch: Mua sắm VTTB cho công tác SCL và lắp đặt công tơ điện tử năm 2021	Công ty Điện lực Thanh Hóa	2,981,394,086	5-4-2021	5-5-2021
93	Hợp đồng số 84/PCNB- HĐHH	NBPC/2021/MS-13: Cung cấp vật tư thiết bị quý 2 năm 2021 thuộc dự toán: Mua sắm vật tư thiết bị phục vụ công tác SXKD và công tác SCTX quý 2 năm 2021	Công ty Điện lực Ninh Bình	3,250,483,500	27-4-2021	26-7-2021

94	Hợp đồng số 137/PCNB- HĐHH	NBPC/2020/ĐTXD/MSHH-03: Mua sắm vật tư thiết bị Công trình: Xây dựng mạch vòng kết nối ĐZ 22kV lộ 477E23.17 và 474 E23.12; Nâng cấp cải tạo đường dây 22kV lộ 477 E23.12; Cải tạo, nâng cấp lộ 373E23.2; Cải tạo, nâng cấp lộ 473E23.14; Cải tạo đường dây mạch kép 35(22)kV lộ 373E23.14 kết lưới lộ 471E23.14; Chống quá tải, giảm tổn thất cho lộ 475E23	Công ty Điện lực Ninh Bình	5,881,490,527	18-5-2021	2-7-2021
95	Hợp đồng số 123/06/21/PTH/AGE-TĐ- VX- CĐMB-TD	Gói thầu: Mua sắm vật tư thiết bị	Công ty Điện lực Thanh Hóa	14,575,900,735	21-6-2021	26-7-2021
96	Hợp đồng số 48/2021-SCL- MS- ĐTRR	Gói thầu số 48/2021-SCL-MS-ĐTRR: Mua vật tư, thiết bị phục vụ các công trình Sửa chữa lớn năm 2021 (đợt 2)	Công ty Điện lực Bắc Từ Liêm	1,958,161,700	25-6-2021	24-8-2021
97	Hợp đồng số 175/21/MS/DT/VX-DH-	Gói thầu: Mua vật tư thiết bị	Công ty Điện lực Bắc Giang	7,347,026,390	20-7-2021	17-12-2021
98	Hợp đồng số 106/2021/HĐMS PCNĐ-QLDA	Gói thầu: "Mua sắm dây dẫn và VTTB"	Công ty Điện lực Nam Định	13,538,061,339	21-7-2021	4-9-2021
99	Hợp đồng số 58/2021/HH/P2	Gói thầu 05-2021: Mua sắm VTTB Dự án: "Tạo mạch liên thông hỗ trợ cung cấp điện giữa lộ 482 E1.26 và 484E1.30 tại khu vực xã Tân Triều"	Công ty Điện lực Thanh Trì	8,242,388,330	9-8-2021	8-10-2021
100	Hợp đồng số 39/2021/HĐMS/PCLK-LD	Gói thầu: Mua sắm VTTB phục vụ SCL bổ sung năm 2021 thuộc 37 hạng mục SCL	Công ty Điện lực Lào Cai	14,167,900,725	20-8-2021	19-9-2021
101	Hợp đồng số 72.21/HĐMS/PCTB-VX-TV	Gói thầu: Mua sắm dây dẫn, cách điện và phụ kiện... phục vụ các công trình đầu tư xây dựng cơ bản đợt IV năm 2021	Công ty Điện lực Thái Bình	8,010,426,380	14-9-2021	29-10-2021

102	Hợp đồng số 205/PCYB-VX-HTH	Gói thầu số 2: Cung cấp vật tư SCL năm 2022 Dự án: Đường dây 0,4kV thuộc các TBA Đồng Phú, Trung tâm Y Can, Đức Quân, Đồng Quýt, Cường Thịnh 1.	Công ty Điện lực Yên Bái	1,869,095,910	18-10-2021	17-11-2021
103	Hợp đồng số 07/HĐ/PC PHUCTHO/VX-PH	Gói thầu mua sắm số 07 –ĐTXD 2021-VTTB Công trình: Cải tạo lưới điện hạ áp các xã Long Xuyên, Phụng Thượng, Thanh Đa, Hát Môn	Công ty Điện lực Phúc Thọ	3,666,011,800	18-10-2021	17-11-2021
104	Hợp đồng số 232/2021/HĐMB	Gói thầu: Mua sắm dây dẫn, cách điện và thiết bị khác cho công trình cải tạo đường dây 22kV, 35kV để xây dựng các xuất tuyến mới từ TBA 110kV Cao Bằng (E16.1) năm 2021 Dự án: Cải tạo đường dây 22kV, 35kV để xây dựng các xuất tuyến mới từ TBA 110kV Cao Bằng (E16.1) năm 2021	Công ty Điện lực Cao Bằng	1,939,144,790	2-12-2021	31-1-2022
105	Hợp đồng số 02-12/2021/HĐMS/PCTQ-P2	Gói thầu 2.1/DD-CD-PK: Mua cáp điện và dây dẫn; Mua cách điện; Mua phụ kiện 03 công trình Công trình: 08 công trình ĐTXD năm 2022	Công ty Điện lực Tuyên Quang	6,612,891,054	2-12-2021	1-1-2022
106	Hợp đồng số 253/2021/HĐKT-PCNA-P2	Gói thầu: Mua sắm vật tư củng cố lưới điện phục vụ Tết Nguyên Đán năm 2021 Hạng mục: Mua sắm vật tư củng cố lưới điện phục vụ tết Nguyên Đán năm 2021 và hè năm 2022	Công ty Điện lực Nghệ An	5,845,925,800	12-12-2021	27-12-2021
107	Hợp đồng số 259/2021/HĐKT-PCNA/P2	Gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ sản xuất bổ sung quý 4 năm 2021 - thuộc hạng mục: Mua sắm vật tư phục vụ sản xuất bổ sung quý 4 năm 2021	Công ty Điện lực Nghệ An	7,394,070,200	20-12-2021	1-1-2022

108	Hợp đồng số 05/HĐMS-2021-QLĐT	Gói thầu số 05: Mua sắm dây dẫn, cách điện và phụ kiện trung hạ áp - Dự toán: Đấu thầu tập trung các công trình cải tạo, CQT, giảm bán kính cấp điện đợt 1 năm 2022	Công ty Điện lực Bắc Kan	9,187,904,189	23-12-2021	11-2-2022
109	Hợp đồng số 1133/2021/HĐMS-PCNĐ- KHVT	Gói thầu: Mua sắm vật tư thiết bị Hạng mục: Sửa chữa lớn lưới điện trung hạ thế năm 2022 huyện Nghĩa Hưng, huyện Trực Ninh, huyện Vụ Bản	Công ty Điện lực Nam Định	4,528,522,229	27-12-2021	27-3-2022
110	002-0102/2023/VX-LUGIA	Thi công hạng mục điện chiếu sáng từ Km185+400 - km235+000. Gói thầu XL04: Thi công đoạn Km185+400 đến Km235+000 Nút giao Ma Lâm và Nút giao Phan Thiết (Bao gồm khảo sát, thiết kế BVTC) Dự án: Thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vĩnh Hảo - Phan Thiết thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020	Công ty CP cơ khí điện Lữ Gia	1,871,351,944	1-2-2023	
111	001-02.02/2023/VX-IEC	Gói thầu: Cung cấp VTTB và thi công xây lắp thuộc 03 hạng mục SCL (1. hạng mục ĐZ 110kV Thác Bà Lào Cai, 2. Hạng mục ĐZ 110kV Lào Cai Hà Khẩu (cột 01-37), 3. Hạng mục ĐZ 110kV Lào Cai Tầng Lồng mạch 1.2 và TBA 220kV (ĐZ, ngăn lộ VT)	CÔNG TY TNHH MTV IEC-1	3,620,000,000	2-2-2023	

112	177-2/2021/VX-IEC-1	Gói thầu: Cung cấp vật tư, thi công xây dựng và thí nghiệm hiệu chỉnh. Công trình : Di dời đường điện 110 kV Sứ Pán – Tầng Lỏong đoạn tuyến chạy qua bãi thải Gyps tạm thời 10,5 ha	CÔNG TY TNHH MTV IEC-1	3,873,618,101		
113	001-17.02/2023/VX-BK	Gói thầu: cải tạo, CQT, giám bán kính cấp điện năm 2023	CÔNG TY CP XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN BẮC KẠN	1,161,939,240	17-2-2023	
114	001-31.01/2023/VX-TA	Gói thầu: Cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây lắp thuộc dự án: Cải tạo nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp, chống quá tải, giảm tổn thất, nâng cao chất lượng điện năng khu vực huyện Văn Bàn năm 2023.	CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THÀNH AN	1,002,111,317	31-1-2023	
115	001-31.01/2023/VX-ĐN	Gói thầu: Cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây lắp thuộc dự án: Cải tạo đường dây 35kV nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lộ 375 & 377-E20.1 tại khu công nghiệp Tầng Lỏong; Chống quá tải, giảm tổn thất, nâng cao chất lượng điện năng khu vực các xã Đồng Tuyển, Cốc San, Cam Đường, phường Bắc Cường, Nam Cường, TP Lào Cai năm 2023.	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NAM	1,286,911,494	31-1-2023	

116	08/12/2022/VX-HN	Gói thầu SP5-1: Thi công xây dựng mở rộng phạm vi nâng cấp nội thị, thị xã Sapa (các tuyến phố trong khu vực nội thị Sapa cũ). Dự án phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2 - Tiểu dự án đô thị Sapa, tỉnh Lào Cai, vốn vay ADB	CÔNG TY TNHH MTV ĐTXD HOÀNG NGUYỄN	17,753,145,300	8-12-2022	
117	12/12/2022/VX-ĐA	Gói thầu SP5-1: Thi công xây dựng mở rộng phạm vi nâng cấp nội thị, thị xã Sapa (các tuyến phố trong khu vực nội thị Sapa cũ). Dự án phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2 - Tiểu dự án đô thị Sapa, tỉnh Lào Cai, vốn vay ADB	Công ty CP sản xuất xuất nhập khẩu Đông Á	23,668,190,700	12-12-2022	
118	0106/2022/HĐKT/GH-VX	Cấp điện thôn Phìn Ngan, xã Trịnh Tường, Huyện Bát Xát, Tỉnh Lào Cai	Công ty TNHH MTV Trang Huy	742,011,861	1-6-2022	
119	0310/2020/HĐKT	Dự án hệ thống chiếu sáng thành phố Cao Bằng	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CAO MINH	896,096,234	3-10-2020	
120	004-11.05/2022/VX-ECOHH	Gói thầu: Cung cấp đường dây cấp điện Nhà máy thủy điện Nậm cuối 1, tỉnh Lai Châu	CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ECO HOÀNG HÀ	2,187,745,560	11-5-2022	
121	002-03.01/2022/VX-ECOHH	Gói thầu: Cung cấp đường dây cấp điện Nhà máy thủy điện Nậm cuối 1, tỉnh Lai Châu	CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ECO HOÀNG HÀ	693,465,302	3-1-2022	
122	2012/2021/VX-MX	Đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai thành phố Phủ Lý nối với đường cao tốc Cầu Giẽ, Ninh Bình	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY LẮP ĐIỆN MAXWELL	3,304,358,899	20-12-2021	

123	01-1808/2021/VX-TP	Dự án lắp đặt hạ tầng điện thuộc huyện Lục Nam, Bắc Giang	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊNH PHÁT BẮC GIANG	5,166,609,360	18-8-2021	
124	01112022/HĐKT_CAP_UL_	Dự án lắp đặt hạ tầng và chiếu sáng đại lộ Trần Hưng Đạo kéo dài	CÔNG TY CPĐT XÂY DỰNG UY LONG	5,176,451,291	1-11-2022	
125	2010/2021/AP-VX	Công trình: Thi công, lắp đặt hệ thống chiếu sáng khu dân cư thôn Văn Trai, Yên Phú xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ AN PHÁT	2,390,251,380	20-10-2021	
126	001-06.12/2022/VX-TH	Gói thầu: Thi công xây dựng công trình Hệ thống điện chiếu sáng một số tuyến đường trục chính trên địa bàn xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh. Dự án: hệ thống điện chiếu sáng một số tuyến đường trục chính trên địa bàn xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh	CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÁI HOÀNG	932,818,315	6-12-2022	
127	001-22.12/2021/VX-HTC	Dự án lắp đặt hạ tầng điện thuộc huyện Đàm Hà và Hải Hà, Quảng Ninh	CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG HTC	1,187,248,555	22-12-2021	
128	001-08.11/2022/VX-MQ	Gói thầu số 1a. Công trình: Đường Trần Hưng Đạo kéo dài, thành phố Lào Cai. Hạng mục: Mặt bằng hai bên đường Trần Hưng Đạo kéo dài đoạn từ Km0-Km1+544	CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KINH TẾ MINH QUANG	5,873,524,905	8-11-2022	

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 3, ngày 15 tháng 01 năm 2021

HỢP ĐỒNG MUA SẮM HÀNG HÓA

Số: 155/2021/HĐ-ALĐPP – TT – VX

Kế hoạch VTTB cuối năm 2020-đầu năm 2021 (hiệu chỉnh đợt 5)

Gói thầu số 36-2020: Cấp ngầm hạ thế các loại

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 4032/QĐ-ALĐPP ngày 13/10/2020 của Ban QLDA lưới điện phân phối TP. HCM về việc phê duyệt dự toán mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 36-2020: Cấp ngầm hạ thế các loại thuộc Kế hoạch VTTB cuối năm 2020-đầu năm 2021 (hiệu chỉnh đợt 5);

Căn cứ Quyết định số 4118/QĐ-ALĐPP ngày 20/10/2020 của Ban QLDA lưới điện phân phối TP. HCM về việc phê duyệt E-HSMT Gói thầu số 36-2020: Cấp ngầm hạ thế các loại;

Căn cứ Quyết định số 5183/QĐ-ALĐPP ngày 28/12/2020 của Ban QLDA lưới điện phân phối TP. HCM về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đạt kỹ thuật Gói thầu số 36-2020: Cấp ngầm hạ thế các loại thuộc Kế hoạch VTTB cuối năm 2020-đầu năm 2021 (hiệu chỉnh đợt 5);

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 08/01/2021 đã được ký giữa Ban QLDA lưới điện phân phối TP. HCM và Liên danh Trường Thịnh - Vạn Xuân của Gói thầu số 36-2020: Cấp ngầm hạ thế các loại;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-ALĐPP ngày 12/01/2021 của Ban Quản lý dự án lưới điện phân phối TP. HCM về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 36-2020: Cấp ngầm hạ thế các loại;

Căn cứ Văn bản số 181/ALĐPP-KHTH ngày 14/01/2021 của Ban Quản lý dự án lưới điện phân phối TP.HCM về việc thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 36-2020: Cấp ngầm hạ thế các loại;

Căn cứ Công văn số 132/TB-ALĐPP ngày 14/01/2021 của Ban Quản lý dự án lưới điện phân phối TP.HCM về việc thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng gói thầu số 36-2020: Cấp ngầm hạ thế các loại;

Căn cứ văn bản số 1501/CV/TT/2021 ngày 15/01/2021 của Công ty TNHH Dây và cáp Điện Trường Thịnh về việc chấp thuận hoàn thiện và ký kết hợp đồng cho Gói thầu số 36-2020: Cấp ngầm hạ thế các loại;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện hợp đồng ngày 14/01/2021 được ký giữa Ban Quản lý dự án lưới điện phân phối TP. HCM và Liên danh Trường Thịnh - Vạn Xuân về việc hoàn thiện hợp đồng Gói thầu số 36-2020: Cấp ngầm hạ thế các loại.



Đại diện hai bên gồm có:

Bên A/Bên mua: Tên chủ đầu tư: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP. HCM TNHH – ĐẠI DIỆN BỞI CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP. HCM TNHH - BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI TP. HCM (Gọi tắt là BAN QLDA LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI TP. HCM)

Địa chỉ: Lầu 6,7 và 8, số 01 Đường Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 62.875.387 Fax: (028) 38221107

Tài khoản: 100000786868 tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Dân – Chi nhánh Sài Gòn, TPHCM.

Mã số thuế: 0300951119-026

Đại diện là: Ông **Lê Thanh Tuấn** Chức vụ: **Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0300951119-026 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp (đăng ký lần đầu ngày 12/12/2016), thay đổi lần thứ 01 ngày 08/4/2019.

Giấy ủy quyền số 3476/UQ-EVNHCMC ngày 21/7/2020 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực TP.HCM.

Bên B/Bên Bán: Tên nhà thầu: Liên danh Công ty TNHH dây và cáp điện Trường Thịnh - Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân (Liên danh Trường Thịnh - Vạn Xuân)

1) Thành viên thứ nhất: Công ty TNHH dây và cáp điện Trường Thịnh

Địa chỉ: Số nhà 16 LK 10 khu đô thị Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, TP.Hà Nội

Điện thoại: 024.337166

Tài khoản: 0591103668668 Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Đồng Đa – Hà Nội

Mã số thuế: 0105548153

Đại diện là: Ông **Nguyễn Việt Thắng** Chức vụ: **Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0105548153 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp (đăng ký lần đầu ngày 05/10/2011), thay đổi lần thứ 9 ngày 19/12/2019.

2) Thành viên thứ hai: Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân

Địa chỉ: Thôn Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243.8489055

Tài khoản: 0341100304009 Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Ba Đình, PGD Đội Cấn – TP Hà Nội

Mã số thuế: 0500402645

Đại diện là: Ông **Trần Duy Quân** Chức vụ: **Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0500402645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp (đăng ký lần đầu ngày 05/01/2001), thay đổi lần thứ 4 ngày 07/12/2017.

Giấy ủy quyền ngày 04/01/2021

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo bảng giá và quy cách kỹ thuật);
2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
3. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
5. Biên bản thương thảo hợp đồng;
6. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
7. Điều kiện chung của hợp đồng;
8. Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ dự thầu;

Điều 3. Trách nhiệm của Bên mua

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên bán

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

Giá hợp đồng (đã có thuế GTGT 10%): **63.850.732.000 đồng** (Sáu mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi triệu, bảy trăm ba mươi hai ngàn đồng), chi tiết phụ lục đính kèm.

Giá trên đã bao gồm cả chi phí thử nghiệm nghiệm thu, vận chuyển, bảo hiểm và các chi phí khác đến kho Công ty Dịch vụ Điện lực TP. HCM (khu Công nghiệp Vĩnh Lộc), đường số 05, P. Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM hoặc địa điểm do bên mua chỉ định trong phạm vi TP. HCM.

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức nêu trong Mục 16.1 Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định của Nhà nước). Trường hợp do trở ngại khách quan, dự án kéo giãn tiến độ, hai bên tiến hành thương thảo ký kết phụ lục gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng cho phù hợp (thời gian gia hạn hợp đồng tối đa không quá 12 tháng).

Tiến độ giao hàng cụ thể như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Số lượng tổng	Tiến độ giao hàng và số lượng chi tiết từng đợt giao hàng Trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (Số lượng cộng dồn trước mốc)				
				Đợt 1 90 ngày	Đợt 2 150 ngày	Đợt 3 190 ngày	Đợt 4 240 ngày	Đợt 5 360 ngày
1.	Cáp ngầm hạ thế lõi nhôm 3240 + 1x120 mm ²	Mét	155.000	50.000	78.000	5.000	22.000	
2.	Cáp ngầm hạ thế 2x10mm ² (lõi đồng)	Mét	35.000				2.000	33.000
3.	Cáp ngầm hạ thế 2x16mm ² (lõi đồng)	Mét	75.000	20.000	55.000			
4.	Cáp ngầm hạ thế 3x25 + 1x16mm ² (lõi đồng)	Mét	48.000	18.000	22.000	2.000	2.000	4.000
5.	Cáp ngầm hạ thế 3x50+1x25mm ² (lõi đồng)	Mét	1.000	1.000				
6.	Cáp ngầm hạ thế 3x95+1x50mm ² (lõi đồng)	Mét	12.000	2.000	1.000	1.000	1.000	7.000

Mốc thời gian thực hiện hợp đồng được tính kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định của Nhà nước).

Trường hợp có thay đổi về số đợt giao hàng và số lượng từng đợt, Chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu bằng văn bản trước tối thiểu 10 ngày.

Nhà thầu cam kết thời gian giao hàng bằng hoặc sớm hơn thời gian qui định trên.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và Bên mời thầu nhận được bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải được nộp cho Bên mời thầu trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định. Trong trường hợp sau 30 ngày kể từ ngày hai bên hoàn thành mọi nghĩa vụ theo hợp đồng mà hai bên vẫn chưa thanh lý thì xem như hợp đồng tự thanh lý.

Hợp đồng được lập thành **10 bản**, Bên mua giữ 08 bản, Bên bán giữ 02 bản, các bản Hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**CÔNG TY TNHH DÂY
VÀ CÁP ĐIỆN TRƯỜNG
THỊNH**

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Thắng

**CÔNG TY TNHH DÂY
VÀ CÁP ĐIỆN VẠN
XUÂN**

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Duy Quân

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI
TP. HCM**

GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Tuấn

BẢNG KÊ KHỐI LƯỢNG CÁP CỦA TỪNG THÀNH VIÊN LIÊN DANH

Mục	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Công ty TNHH dây và cáp điện Trường Thịnh	Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân
1	Cáp ngầm hạ thế lõi nhôm 3x240 + 1x120 mm ²	Mét	103.000	52.000
3	Cáp ngầm hạ thế 2x10mm ² (lõi đồng)	Mét	35.000	
4	Cáp ngầm hạ thế 2x16mm ² (lõi đồng)	Mét		75.000
5	Cáp ngầm hạ thế 3x25 + 1x16mm ² (lõi đồng)	Mét		48.000
6	Cáp ngầm hạ thế 3x50+1x25mm ² (lõi đồng)	Mét		1.000
7	Cáp ngầm hạ thế 3x95+1x50mm ² (lõi đồng)	Mét		12.000

PHỤ LỤC

(Kèm theo hợp đồng số: 155/2021/HĐ-ALĐPP - TT - VX ngày 15 tháng 01 năm 2020)

Mục	Danh mục hàng hóa	Mã hiệu	Nhà sản xuất/ Quốc gia	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Đơn giá chưa thuế GTGT (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Cáp ngầm hạ thế lõi nhôm 3x240 + 1x120 mm ²	ADSTA 3x240+1x120	Trường Thịnh - Vạn Xuân/VN	Mét	155.000	232.070	35.970.850.000
2	Cáp ngầm hạ thế 2x10mm ² (lõi đồng)	CDSTA 2x10	Trường Thịnh/VN	Mét	35.000	45.300	1.585.500.000
3	Cáp ngầm hạ thế 2x16mm ² (lõi đồng)	CDSTA 2x16	Vạn Xuân/VN	Mét	75.000	66.240	4.968.000.000
4	Cáp ngầm hạ thế 3x25 + 1x16mm ² (lõi đồng)	CDSTA 3x25+1x16	Vạn Xuân/VN	Mét	48.000	167.080	8.019.840.000
5	Cáp ngầm hạ thế 3x50+1x25mm ² (lõi đồng)	CDSTA 3x50+1x25	Vạn Xuân/VN	Mét	1.000	300.610	300.610.000
6	Cáp ngầm hạ thế 3x95+1x50mm ² (lõi đồng)	CDSTA 3x95+1x50	Vạn Xuân/VN	Mét	12.000	600.110	7.201.320.000
Tổng cộng giá hàng hóa chưa bao gồm thuế GTGT:							58.046.120.000
Thuế GTGT 10%:							5.804.612.000
Tổng cộng giá hàng hóa đã bao gồm thuế GTGT:							63.850.732.000

Tổng giá hợp đồng bằng chữ: Sáu mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi triệu, bảy trăm ba mươi hai ngàn đồng

* **Ghi chú:**

- Giá trên đã bao gồm dịch vụ thử nghiệm nghiệm thu, vận chuyển, lưu kho, toàn bộ phí, lệ phí (nếu có).
- Hàng hóa cung cấp mới 100%, chưa qua sử dụng.
- Chiều dài tối thiểu mỗi bành cáp của từng chủng loại cáp được quy định cụ thể trong quy cách kỹ thuật của E-HSMT, E-HSDT và đính kèm theo Hợp đồng hai bên ký kết. Nhà thầu phải cung cấp đáp ứng yêu cầu về chiều dài này. Đối với các trường hợp đặc biệt, Chủ đầu tư cần bành cáp dài hơn thì sẽ có văn bản thông báo cho nhà thầu trước tối thiểu 15 ngày để sản xuất.

HỢP ĐỒNG

Số: 1802S115 -017/CPC-VX+HQ

Gói thầu 17DAY-G115: Cung cấp cáp nhôm bọc hạ áp khu vực Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

Chương trình: Mua sắm tập trung dây cáp điện phục vụ SXKD và ĐTXD năm 2018.

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng gói thầu 17DAY-G115: Cung cấp cáp nhôm bọc hạ áp khu vực Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế giữa Tổng công ty Điện lực miền Trung và Liên danh Công ty TNHH Dây và cáp điện Vạn Xuân và Công ty CP Thiết bị điện Hàn Quốc;

Căn cứ Quyết định số 1028/QĐ-EVNCP ngày 09/02/2018 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực miền Trung (EVNCP) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu 17DAY-G115, G116, G117, G118, G119, G120, G121, G122 và G123;

Căn cứ văn bản thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng số 1040/EVNCP-VT ngày 09/02/2018 của EVNCP;

Căn cứ văn bản chấp thuận hoàn thiện, ký kết hợp đồng số 0518 /CV-VX ngày 12/02/2018 của Liên danh Công ty TNHH Dây và cáp điện Vạn Xuân và Công ty CP Thiết bị điện Hàn Quốc;

Hôm nay, ngày 12 tháng 02 năm 2018, tại Văn phòng EVNCP, chúng tôi đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

- Địa chỉ : 78A Duy Tân, P. Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại : (0236) 6255560 Fax: (0236) 3 625 071
- Tài khoản : 111 000 008 847
- Tại : Ngân hàng Công thương Thành phố Đà Nẵng
- Mã số thuế : 0400101394
- Do Ông : **Nguyễn Thành** - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện (theo Giấy ủy quyền số 1058/UQ-EVNCP ngày 12/02/2018 của Tổng Giám đốc EVNCP).

BÊN B:

CÔNG TY TNHH DÂY CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN

- Địa chỉ : Thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội, Việt Nam

- Điện Thoại : 024. 22192309 Fax: 024. 38489056
- Tài khoản : 245304909
- Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Thành
- Mã số thuế : 0500402645
- Do Ông : **Trần Duy Quân** - Chức vụ: Phó Giám đốc công ty làm đại diện theo giấy ủy quyền ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Công ty TNHH Dây và cáp điện Vạn Xuân nộp kèm theo HSDT gói thầu 17DAY-G115.

và

CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC

- Địa chỉ : Số 9 lô TT1A-KĐT Tây Nam Linh Đàm, P.Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.
- Điện Thoại : 024. 36648242 Fax: 024. 36649926
- Tài khoản : 0551100355007.
- Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Hai Bà Trưng
- Mã số thuế : 0101816468.
- Do Bà : **Nguyễn Thị Hoàng Duyên** -Chức vụ: Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Bên B làm đại diện.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của Hợp đồng là dây cáp nhôm bọc hạ áp các loại do Bên B cung cấp với danh mục, số lượng, đơn giá, tổng giá trị, thời gian giao hàng và đặc tính kỹ thuật chi tiết như ở các phụ lục kèm theo hợp đồng này.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Biên bản thương thảo hợp đồng;
5. ĐKCT;
6. ĐKC;
7. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT (nếu có) của Bên B;
8. HSMT và các tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có) của Bên A;
9. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng nêu tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa với các thông số kỹ thuật và chất lượng như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này và HSMT của Bên A, HSDT của Bên B, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

- Giá hợp đồng: **19.890.943.270 VNĐ** (Mười chín tỷ, tám trăm chín mươi triệu, chín trăm bốn mươi ba ngàn, hai trăm bảy mươi đồng).
Trong đó: - Giá trị hàng hóa: 18.082.675.700 VNĐ.
- Thuế GTGT: 1.808.267.570 VNĐ.

Trường hợp thuế suất GTGT thay đổi thì áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức nêu trong Điều 16 ĐKCT.

Điều 6. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 7. Thời gian giao hàng: trong vòng 03 tuần (đợt 1), 06 tuần (đợt 2) và 09 tuần (đợt 3) kể từ ngày ký hợp đồng (không bao gồm 07 ngày nghỉ tết Nguyên Đán đối với đợt 1).

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và Bên A nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng.
- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải nộp cho Bên A khi Bên B nhận được chấp thuận trúng thầu và trao hợp đồng hoặc trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.
- Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Bên A giữ 02 bộ và Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
VẠN XUÂN



TRẦN DUY QUÂN
CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN
HÀN QUỐC



NGUYỄN THỊ HOÀNG DUYÊN

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG



NGUYỄN THÀNH

Phụ lục 1 : Bảng giá, thời gian và địa điểm giao hàng
Hợp đồng 1802S115-017/CPC-VX+HQ ngày 12/02/2018

Gói thầu 17DAY-G115: Cung cấp dây nhôm bọc hạ áp khu vực Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế
 Chương trình mua sắm tập trung dây cáp điện phục vụ SXKD và ĐTXD năm 2018

1. Bảng giá

STT	Danh mục hàng hóa	Nhà SX/Nước SX/Mã hiệu	ĐVT	Ký hợp đồng		
				Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I.	Công ty TNHH Dây và cáp điện Vạn Xuân					
1	Cáp nhôm vận xoắn ABC 2x50 mm2	Vạn Xuân/Việt Nam	mét	14.296	22.000	314.512.000
2	Cáp nhôm vận xoắn ABC 2x70 mm2	Vạn Xuân/Việt Nam	mét	7.208	31.900	229.935.200
3	Cáp nhôm vận xoắn ABC4x50 mm2	Vạn Xuân/Việt Nam	mét	36.254	43.800	1.587.925.200
4	Cáp nhôm vận xoắn ABC4x70 mm2	Vạn Xuân/Việt Nam	mét	96.028	61.000	5.857.708.000
5	Cáp nhôm vận xoắn ABC4x150 mm2	Vạn Xuân/Việt Nam	mét	9.994	125.600	1.255.246.400
II.	Công ty cổ phần Thiết bị điện Hàn Quốc					
1	Cáp nhôm vận xoắn ABC4x95 mm2	Hàn Quốc/Việt Nam	mét	60.076	81.500	4.896.194.000
2	Cáp nhôm vận xoắn ABC4x120 mm2	Hàn Quốc/Việt Nam	mét	39.451	99.900	3.941.154.900
	Tổng cộng chưa bao gồm thuế GTGT					18.082.675.700
	Thuế GTGT					1.808.267.570
	Tổng cộng bao gồm thuế GTGT					19.890.943.270

2. Thời gian giao hàng: trong vòng 03 tuần (đợt 1), 06 tuần (đợt 2) và 09 tuần (đợt 3) kể từ ngày ký hợp đồng ((không bao gồm 07 ngày nghỉ tết Nguyên Đán đối với đợt 1)).

3. Địa điểm giao hàng:

- Công ty Điện lực Quảng Bình (QBPC): 01 Hữu Nghị - TP. Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình.
- Công ty Điện lực Quảng Trị (QTPC): 126 Trần Hưng Đạo - TP. Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị.
- Công ty Điện lực Thừa Thiên Huế (TTHPC): 102 Nguyễn Huệ - TP. Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 10 năm 2018

HỢP ĐỒNG

Số: 112/2018/HĐMS/PCBN

Gói thầu số 3: Mua sắm dây dẫn, thiết bị đóng cắt và phụ kiện

**Dự án: Đấu thầu tập trung các công trình thuộc KHĐT XD
năm 2018 (tháng 5)**

Giữa

Công ty Điện lực Bắc Ninh

và

Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 10 năm 2018

HỢP ĐỒNG

Số: 112/2018/HĐMS/PCBN

Gói thầu số 3: Mua sắm dây dẫn, thiết bị đóng cắt và phụ kiện

**Dự án: Đấu thầu tập trung các công trình thuộc KHĐT XD
năm 2018 (tháng 5)**

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/ND-CP ngày 26/6/2014 của Chính Phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;
- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu đã ký;
- Căn cứ Quyết định số: 2747/QĐ-PCBN ngày 18/10/2018 của Giám đốc Công ty Điện lực Bắc Ninh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 3: Mua sắm dây dẫn và phụ kiện cho dự án nêu trên;

Hôm nay, ngày 22/10/2018 tại Công ty Điện lực Bắc Ninh

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

I. Chủ đầu tư / bên mua (sau đây gọi là Bên A): Công ty Điện lực Bắc Ninh

Đại diện là ông: **Đỗ Quốc Long** Chức vụ: **Phó Giám đốc.**

Địa chỉ: Số 308, Đ. Lạc Long Quân, Xã Hòa Long, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Tài khoản: 0351 000 832 888 Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh.

Mã số thuế: 0100100417-024

Điện thoại: 0222.3512.725 Fax: 0222.3822.972

Giấy uỷ quyền ký hợp đồng số 3402/UQ-PCBN ngày 03/12/2015 của Giám đốc Công ty Điện lực Bắc Ninh.

II. Nhà thầu / bên bán (sau đây gọi là Bên B): Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân.

Đại diện là ông: Trần Duy Quân

Chức vụ: **Phó Giám đốc**

Địa chỉ: Thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội.

Điện thoại: 0422.192.309

Fax: 0438.489.056

Tài khoản: 0341100304009 Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Ba Đình, PGD Đội Cấn

Mã số thuế: 0400101394

Giấy uỷ quyền ký hợp đồng số 0109/2018/UQ-VX ngày 01/09/2018 của giám đốc Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục số 1 của Hợp đồng.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của bên bán (bên B)

Bên bán cam kết cung cấp cho bên mua đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của bên mua (bên A)

Bên mua cam kết thanh toán cho bên bán theo giá hợp đồng nêu tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Đồng tiền thanh toán cho hàng hóa của Hợp đồng sẽ bằng đồng Việt Nam.

2. Giá trị hợp đồng: Tổng giá trị Hợp đồng tương ứng các điều kiện giao hàng, phạm vi cung cấp và thời hạn giao hàng nêu trong hợp đồng.

- Giá trị hợp đồng cả thuế: **10.724.833.973 VNĐ**

Trong đó: + Giá trị trước thuế: **9.749.849.066 VNĐ**

+ Thuế GTGT (10%): **974.984.907 VNĐ**

3. Tạm ứng: 20% giá trị hợp đồng trước thuế GTGT. Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho nhà thầu khi chủ đầu tư nhận được Công văn đề nghị tạm ứng cùng Bảo lãnh tạm ứng với giá trị tương ứng và sau khi được NPC cấp vốn.

4. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng (**ĐKC 16**).

5. Chi tiết đơn giá mỗi hạng mục hàng hóa như nêu trong phụ lục số 1-Bảng giá hợp đồng.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Điều chỉnh giá hợp đồng

Theo Thông tư số 07/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng:

Khi bổ sung khối lượng công việc hợp lý thì các bên tham gia hợp đồng thống nhất đơn giá công việc này trước khi thực hiện. Việc xác định đơn giá được thực hiện theo Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực miền Bắc. Hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng cho phần khối lượng và giá trị công việc này trước khi thực hiện để làm cơ sở cho việc thanh toán khối lượng phát sinh và toàn bộ hợp đồng.

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng **60 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 9. Bảo hành hàng hóa

Thời hạn bảo hành hàng hóa là 12 tháng tính từ thời điểm thiết bị đóng điện đưa vào sử dụng hoặc 18 tháng tính từ ngày hai bên hoàn tất việc giao nhận hàng hóa (ngày của biên bản giao nhận), tùy theo điều kiện nào đến trước.

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng:

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Bên A nhận được Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 10 bộ, bên mua giữ 08 bộ, bên bán giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Duy Quỳn

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ **K**

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Quốc Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA

Gói thầu số 2: Mua sắm dây dẫn

Các công trình: Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019; Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019; Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã, phường thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019; Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019; Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã, phường huyện Kỳ Anh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019; Xây dựng xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Thạch Linh (E18.1) cấp điện cho các xã Thạch Trung, Thạch Hà, Thạch Môn - Thành phố Hà Tĩnh và san tải cho ĐZ472E18.1

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ TĨNH – TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

NHÀ THẦU
LIÊN DANH CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN VÀ CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TRƯỜNG THỊNH

Hà Tĩnh, năm 2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 5 năm 2019

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA

Số: 200/2019/HĐKT-PCHT

Gói thầu số 2: Mua sắm dây dẫn

Các công trình: Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019; Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019; Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã, phường thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019; Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019; Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã, phường huyện Kỳ Anh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019; Xây dựng xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Thạch Linh (E18.1) cấp điện cho các xã Thạch Trung, Thạch Hà, Thạch Môn - Thành phố Hà Tĩnh và san tải cho ĐZ472E18.1

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định /QĐ - PCHT ngày 27/5/2019 của Giám đốc Công ty Điện lực Hà Tĩnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 2: Mua sắm dây dẫn Các công trình: Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019; Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019; Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã, phường thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019; Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019; Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã, phường huyện Kỳ Anh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019; Xây dựng xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Thạch Linh (E18.1) cấp điện cho các xã Thạch Trung, Thạch Hà, Thạch Môn - Thành phố Hà Tĩnh và san tải cho ĐZ472E18.1 và thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng ngày 08/5/2019 của Bên mời thầu;



Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày 27/5/2019.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

1- Chủ đầu tư: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ TĨNH (sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ: Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh – thành phố Hà Tĩnh – tỉnh Hà Tĩnh.

Điện thoại: 0239.2210.955, 02393.855.356

Fax: 0393 855 112

Email: pcht.p8@gmail.com

Tài khoản: 020 100 000 0473 – Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Tĩnh.

Mã số thuế: 0100100417-018

Đại diện là Ông: **Nguyễn Phúc Phong**

Chức vụ: **Giám đốc**

2- Nhà thầu: Liên danh Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân và Công ty TNHH dây và cáp điện Trường Thịnh (sau đây gọi là Bên B)

CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN

Địa chỉ: Thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

Điện thoại: 0242.219.2309

Fax: 0243.848.9056

Email: vanxuancable@yahoo.com.vn

Tài khoản số: 0341100304009 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Ba Đình, PGD Đội Cấn (Đây là tài khoản duy nhất và không hủy ngang trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng)

Mã số thuế: 0500402645

Đại diện là Ông: **Trần Duy Quân**

Chức vụ: **Phó Giám đốc**

CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TRƯỜNG THỊNH

Địa chỉ: Số nhà 16 LK 10 khu đô thị Đại Thanh, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.33716660

Fax: 024.33716660

Email: truongthinhcable@gmail.com

Tài khoản số: 0591103668668 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Đống Đa Hà Nội (Đây là tài khoản duy nhất và không hủy ngang trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng)

Mã số thuế: 0105548153

Đại diện là Ông: **Nguyễn Việt Thắng**

Chức vụ: **Giám đốc**



Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A:

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B:

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng (đã bao gồm thuế VAT): **17.344.228.337 đồng** (Mười bảy tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm hai tám nghìn, ba trăm ba bảy đồng)

+ Giá trị khối lượng của Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân (đã bao gồm thuế VAT): **12.872.481.546 đồng** (Mười hai tỷ, tám trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi sáu đồng).

+ Giá trị khối lượng của Công ty TNHH dây và cáp điện Trường Thịnh (đã

bao gồm thuế VAT): **4.471.746.791 đồng** (Bốn tỷ, bốn trăm bảy một triệu, bảy trăm bốn sáu nghìn, bảy trăm chín một đồng).

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 16.1 **ĐKCT**.

Điều 6. Loại hợp đồng:

Hợp đồng trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực sau 05 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng và bên B đã nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 08 bộ, Chủ đầu tư giữ 06 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH
CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN**

VẠN XUÂN

Phó Giám đốc



Trần Duy Quân

**THÀNH VIÊN LIÊN DANH
CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
TRƯỜNG THỊNH**

Giám đốc



Nguyễn Việt Thắng

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

CHỦ ĐẦU TƯ

Giám đốc



Nguyễn Phúc Phong

PHỤ LỤC I: BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

Kèm theo hợp đồng số /2019/ HĐKT-PCHT, ngày 28 tháng 5 năm 2019)

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

STT	Nội dung giá hợp đồng	Thành tiền
1	Giá hàng hoá	17.344.228.337
2	Giá dịch vụ liên quan	0
	Tổng cộng giá hợp đồng	17.344.228.337
	<i>Bằng chữ : Mười bảy tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm hai tám nghìn, ba trăm ba bảy đồng.</i>	

BẢNG GIÁ CỦA HÀNG HÓA

TT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ sản phẩm	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
A	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019					1.191.770.280
1	Dây dẫn AC70/11	m	15.395	Trường Thịnh	18.875	290.580.625
2	Dây đồng mềm nhiều sợi M35	m	42	Vạn Xuân	58.700	2.465.400
3	Dây AC bọc 22kV-AsXV-50mm2	m	96	Trường Thịnh	50.530	4.850.880
4	Dây AC bọc 35kV-AsXV-50mm2	m	120	Trường Thịnh	60.637	7.276.440
5	Cáp lực 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC M150	m	216	Vạn Xuân	297.015	64.155.240
6	Cáp lực 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC M95	m	72	Vạn Xuân	191.279	13.772.088
7	Cáp vặn xoắn AL-XLPE 4x35	m	112	Trường Thịnh	44.285	4.959.920
8	Cáp vặn xoắn AL-XLPE 4x50	m	4.979	Trường Thịnh	60.993	303.684.147
9	Cáp vặn xoắn AL-XLPE 4x70	m	5.934	Trường Thịnh	83.910	497.921.940
10	Thí nghiệm	Mẫu	6	Trường Thịnh	350.600	2.103.600
B	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019					1.723.122.509
1	Dây dẫn AC70/11	m	22.693	Vạn Xuân	18.875	428.330.375
2	Cáp bọc 22kV-AsXV70/11	m	649	Trường Thịnh	57.812	37.519.988
3	Dây AC bọc 22kV-AsXV-50mm2	m	48	Trường Thịnh	50.530	2.425.440



4	Dây AC bọc 35kV-AsXV-50mm2	m	168	Trường Thịnh	60.637	10.187.016
5	Cáp lực 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC M240	m	24	Vạn Xuân	485.765	11.658.360
6	Cáp lực 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC M150	m	192	Vạn Xuân	297.015	57.026.880
7	Cáp lực 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC M120	m	8	Vạn Xuân	239.206	1.913.648
8	Cáp lực 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC M95	m	64	Vạn Xuân	191.279	12.241.856
9	Dây đồng mềm M35	m	45	Vạn Xuân	58.700	2.641.500
10	Dây đồng mềm M95	m	27	Vạn Xuân	157.600	4.255.200
11	Cáp vận xoắn AL-XLPE 4x35	m	640	Vạn Xuân	44.285	28.342.400
12	Cáp vận xoắn AL-XLPE 4x50	m	7.762	Vạn Xuân	60.993	473.427.666
13	Cáp vận xoắn AL-XLPE 4x70	m	7.738	Vạn Xuân	83.910	649.295.580
14	Thí nghiệm	Mẫu	11	Vạn Xuân	350.600	3.856.600
C	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã, phường thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019					2.260.356.953
1	Dây dẫn AC70/11	m	2.114	Vạn Xuân	18.875	39.901.750
2	Cáp bọc 22kV-AsXV70/11	m	311	Trường Thịnh	57.812	17.979.532
3	Cáp ngầm 24kV Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W 3x70mm2	m	463	LS-VINA	583.053	269.953.539
4	Dây AC bọc 22kV-AsXV-50mm2	m	126	Trường Thịnh	50.535	6.367.410
5	Cáp lực 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC M240	m	120	Vạn Xuân	485.765	58.291.800
6	Cáp lực 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC M120	m	40	Vạn Xuân	239.206	9.568.240
7	Cáp ngầm 24kV Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W 1x70mm2	m	36	LS-VINA	212.300	7.642.800
8	Cáp vận xoắn AL-XLPE 2x50	m	119	Vạn Xuân	30.496	3.629.024
9	Cáp vận xoắn AL-XLPE 4x35	m	129	Vạn Xuân	44.285	5.712.765
10	Cáp vận xoắn AL-XLPE 4x70	m	6.835	Vạn Xuân	83.910	573.524.850
11	Cáp vận xoắn AL-XLPE 4x95	m	10.221	Vạn Xuân	112.293	1.147.746.753
12	Cáp đồng ngầm 0,6/1kV CXV/DSTA/PVC-4x95	m	146	Vạn Xuân	793.365	115.831.290
13	Thí nghiệm	Mẫu	12	Vạn	350.600	4.207.200

10041
CÔNG
IÊN
À TĨ
TỈNH T

				Xuân		
D	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019					2.921.160.941
1	Dây dẫn AC70/11	m	19.146	Trường Thịnh	18.875	361.380.750
2	Dây dẫn AC95/16	m	3.739	Trường Thịnh	26.248	98.141.272
3	Cáp AC 35kV AsXV-120mm2	m	60	Trường Thịnh	83.762	5.025.720
4	Dây AC bọc 35kV-AsXV-50mm2	m	168	Trường Thịnh	60.637	10.187.016
5	Cáp lực 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC M150	m	168	Vạn Xuân	297.015	49.898.520
6	Cáp lực 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC M95	m	56	Vạn Xuân	191.279	10.711.624
7	Dây đồng mềm M35	m	65	Vạn Xuân	58.700	3.815.500
8	Dây đồng mềm M95	m	21	Vạn Xuân	157.600	3.309.600
9	Cáp vận xoắn AL-XLPE 4x35	m	437	Trường Thịnh	44.285	19.352.545
10	Cáp vận xoắn AL-XLPE 4x50	m	20.313	Trường Thịnh	60.993	1.238.950.809
11	Cáp vận xoắn AL-XLPE 4x70	m	4.212	Trường Thịnh	83.910	353.428.920
12	Cáp vận xoắn AL-XLPE 4x95	m	6.805	Trường Thịnh	112.293	764.153.865
13	Thí nghiệm	Mẫu	8	Trường Thịnh	350.600	2.804.800
E	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã, phường huyện Kỳ Anh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2019					2.963.757.964
1	Dây dẫn AC70/11	m	14.052	Vạn Xuân	18.875	265.231.500
2	Cáp ngầm 35kV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x70mm2	m	306	LS-VINA	685.873	209.877.138
3	Dây AC bọc 22kV-AsXV-50mm2	m	24	Trường Thịnh	50.530	1.212.720
4	Dây AC bọc 35kV-AsXV-50mm2	m	240	Trường Thịnh	60.637	14.552.880
5	Cáp lực 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC M240	m	96	Vạn Xuân	485.765	46.633.440
6	Cáp lực 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC M150	m	168	Vạn Xuân	297.015	49.898.520
7	Cáp lực 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC M120	m	32	Vạn Xuân	239.206	7.654.592
8	Cáp lực 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC M95	m	56	Vạn Xuân	191.279	10.711.624
9	Dây đồng mềm M35	m	79	Vạn Xuân	58.700	4.637.300

10	Dây đồng mềm M95	m	33	Vạn Xuân	157.600	5.200.800
11	Cáp vặn xoắn AL-XLPE 4x50 mm2	m	13.000	Vạn Xuân	60.993	792.909.000
12	Cáp vặn xoắn AL-XLPE 4x70 mm2	m	5.352	Vạn Xuân	83.910	449.086.320
13	Cáp vặn xoắn AL-XLPE 4x95 mm2	m	9.810	Vạn Xuân	112.293	1.101.594.330
14	Thí nghiệm	mẫu	13	Vạn Xuân	350.600	4.557.800
H	Xây dựng xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Thạch Linh(E18.1)cáp điện cho các xã Thạch Trung, Thạch Hà, Thạch Môn - Thành phố Hà Tĩnh và san tải cho ĐZ472E18.1					4.707.311.659
1	Cáp ngầm 24kV Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W 3x240mm2	m	2.374	LS-VINA	1.607.564	3.816.356.936
2	Dây dẫn AC70/11 (bọc mỡ)	m	685	Vạn Xuân	18.875	12.929.375
3	Dây dẫn (bọc mỡ) ACSR120/19	m	25.468	Vạn Xuân	34.021	866.446.828
4	Dây nhôm AsXV120/19-24kV	m	120	Trường Thịnh	84.801	10.176.120
5	Thí nghiệm	Mẫu	4	Vạn Xuân	350.600	1.402.400
Giá hợp đồng chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí						15.767.480.306
Thuế GTGT						1.576.748.031
Giá hợp đồng đã bao gồm thuế, phí, lệ phí						17.344.228.337

**THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH
CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN**

VẠN XUÂN
Phó Giám đốc

Trần Duy Quân

**THÀNH VIÊN LIÊN DANH
CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
TRƯỜNG THỊNH**

Giám đốc

Nguyễn Việt Thắng

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ**

Giám đốc

Nguyễn Phúc Phong

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 204-2019/HĐMSHH/NPSC-ACIT-VẠN XUÂN ngày 02/10/2019.

Gói thầu - Cung cấp thiết bị, dây dẫn và phụ kiện, cách điện

**Thuộc các dự án “381 TBA 220kV Thái Nguyên (E6.2) - 377 Phú Bình (E6.17);
474 TBA 220kV Thái Nguyên (E6.2) - 471 Phú Lương (E6.6); 373 Tiền Hải -
Kiến Xương; 373 Gò Đầm (E6.3) - 373 Phú Bình (E6.17); 373 Trung Hà - Phố
Vàng; 372 Hòa Bình - Mai Châu; 472 Lạc Quần (E3.8) - 474 Hải Hậu (E3.11);
476 Lạc Quần (E3.8) - 479 Trục Ninh (E3.16); 375 X18 Ninh Bình - Thanh
Nông”**

PHẦN 1. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng gói thầu trên ngày 01/10/2019 giữa Công ty Dịch vụ Điện lực miền Bắc với Liên danh ACIT- VẠN XUÂN;

Căn cứ Quyết định số 3920/QĐ-NPSC ngày 01/10/2019 của Công ty Dịch vụ Điện lực miền Bắc V/v: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu - Cung cấp thiết bị, dây dẫn và phụ kiện, cách điện thuộc các dự án “381 TBA 220kV Thái Nguyên (E6.2) - 377 Phú Bình (E6.17); 474 TBA 220kV Thái Nguyên (E6.2) - 471 Phú Lương (E6.6); 373 Tiên Hải - Kiến Xương; 373 Gò Đầm (E6.3) - 373 Phú Bình (E6.17); 373 Trung Hà - Phố Vàng; 372 Hòa Bình - Mai Châu; 472 Lạc Quần (E3.8) - 474 Hải Hậu (E3.11); 476 Lạc Quần (E3.8) - 479 Trục Ninh (E3.16); 375 X18 Ninh Bình - Thanh Nông”.

PHẦN 2. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 02/10/2019, tại văn phòng Công ty Dịch vụ Điện lực miền Bắc, đại diện các bên gồm:

1. Đại diện bên giao thầu: Công ty Dịch vụ Điện lực miền Bắc – Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc (gọi tắt là bên A)

Đại diện: Ông Ông Phan Tử Lượng Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: Số 2 - khu VP 1 - BD Linh Đàm - P.Hoàng Liệt - Q.Hoàng Mai
- TP. Hà Nội.
Điện thoại: 02422122268 Fax: 02437170418
Tài khoản: 0301008689999 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Chi nhánh Hoàn Kiếm
Mã số thuế: 0100100417 - 046.

2. Đại diện bên nhận thầu: Liên danh ACIT - VẠN XUÂN (gọi tắt là bên B)

2.1. Đại diện đứng đầu liên danh: Công ty CP kỹ thuật công nghiệp Á Châu

Đại diện: Ông **Phạm Đình Thắng** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
Địa chỉ: Số nhà 139 phố Nguyễn Thái Học, phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
VPGD: Tầng 4 toà nhà Số 25 Tân Mai – Q. Hoàng Mai – TP. Hà Nội
Điện thoại: 024 36658812 Fax: 024 36649647
Tài khoản: 0931.003.686868 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hoàng Mai.
Mã số thuế 0102073536

2.2. Đại diện thành viên liên danh: Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân

Đại diện: Ông **Trần Duy Quân** – Chức vụ: **Phó Giám đốc**
Địa chỉ: Thôn Lai Xá - Xã Kim Chung - Huyện Hoài Đức - TP Hà Nội.
Điện thoại: 024.38489055 Fax: 024.38489056
Tài khoản: 0341100304009 – Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Ba Đình, PGD Đội Cấn
Mã số thuế 0500402645

Kèm theo Giấy ủy quyền ký ngày 01/ 08 /2019 của Giám đốc Công ty

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm Phụ lục 1, 2, 3, 4);
2. Biên bản thương thảo hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. Hồ sơ dự thầu của nhà thầu;
7. Hồ sơ mời thầu của bên mời thầu;

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng nêu tại Điều 5 của

hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Bên B cam kết cung cấp cho bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:

- Tổng giá trị hợp đồng: 35.275.431.235 đồng

(Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi một nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng)

Trong đó: Giá trị trước thuế : 32.068.573.850 đồng

Thuế GTGT : 3.206.857.385 đồng

(Chi tiết giá và đơn giá hợp đồng theo phụ lục 2 kèm theo)

2. Tạm ứng: Theo Điều 15 ĐKCT;

3. Phương thức thanh toán: Theo Điều 16 ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng được quy định tại Điều 12 ĐKCT.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

- Thời gian giao hàng: Thời gian thực hiện hợp đồng trong vòng 60 ngày liên tục kể cả ngày thứ 7, chủ nhật, ngày lễ tết kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Trong vòng 05 ngày kể từ ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, bên B phải có kế hoạch triển khai trong thời gian thực hiện hợp đồng, cụ thể như sau:

+ Thời gian bàn giao hàng;

+ Nhân lực tham gia thi công;

+ Thời gian và địa điểm triển khai thi công tại các trạm.

- Địa điểm: Tại các tỉnh Thái Nguyên, Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Hòa Bình.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng

của bên B.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 16 bộ, bên A giữ 10 bộ, bên B giữ 06 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

Công ty CP kỹ thuật công nghiệp Á Châu



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Đình Chấn

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC



Phan Tử Lượng

Công ty TNHH dây và cáp điện Vạn Xuân



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Duy Quân

PHỤ LỤC SỐ 2: BIỂU GIÁ HỢP ĐỒNG
(Kèm theo hợp đồng số: 204-2019/HĐMSHH/NPSC-ACIT-VAN XUAN ngày 02/10/2019)

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá chào cho hàng hóa	32.068.573.850
2	Dịch vụ liên quan (đã bao gồm trong hàng hóa)	-
	Giá trị hợp đồng trước thuế	32.068.573.850
	Thuế giá trị gia tăng VAT	3.206.857.385
	Giá trị hợp đồng sau thuế	35.275.431.235

Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi một nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng.



Handwritten signature



CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xã - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH



**CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN**

Đ/c: Lai Xá - Kim Chung - Hoài Đức- Hà Nội

VPGD: Số 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

ĐT : 024.3848 9055 - Fax : 024.3848 9056

Email: vanxuancable@yahoo.com.vn - website: vanxuancable.com.vn

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU**

Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất [VNĐ]		
Năm 1: 2019	Năm 2: 2020	Năm 3: 2021

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản	184.776.380.642	165.246.463.894	197.837.775.483
Tổng nợ	137.839.645.295	115.644.530.282	146.765.899.908
Giá trị tài sản ròng	46.936.735.347	49.601.933.612	51.071.875.575
Tài sản ngắn hạn	159.292.492.289	144.124.856.424	179.976.324.461
Nợ ngắn hạn	132.524.214.884	115.234.775.271	146.765.899.908
Vốn lưu động	26.768.277.405	28.890.081.153	33.210.424.553

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu	379.975.314.213	391.014.069.653	426.303.050.580
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh	399.097.478.149		
Lợi nhuận trước thuế	1.585.003.025	1.928.357.572	1.837.427.454
Lợi nhuận sau thuế	1.419.964.132	1.542.686.058	1.469.941.963

- Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định.

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN



CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xã - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

CATALOGUE





CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VAN XUÂN

Địa chỉ: Lai xã - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

BẢNG GIÁ CÔNG BỐ LIÊN SỞ XÂY DỰNG & SỞ TÀI CHÍNH





CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN

Địa chỉ: Lai xá - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hàng Cháo - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.38 48 9055 - Fax: 024 38 48 9056

Email: contact@vanxuancable.com - Website: vanxuancable.com

GCL[®]
INTERNATIONAL
ISO 9001:2015

ĐIỂM DỪNG CỦA SỰ LỰA CHỌN



